16°
Indoch
1247

SÁCH GIỚI THIỆU

# VĂN-HỌC TRUNG-QUỐC HIỆN-ĐẠI

# TẠP VĂN

ĐẶNG THÁI MAI
*dịch*

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 3043

***mới***

1247

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

ГАЗЕТА ЛЬВІВ

Dépôt légal
Bureau des Archives et
de la Bibliothèque centrale
à Hanoï
Certifié exact trois
mille exemplaires
Hanoï, le 6-2-41
Le Directeur

# TẠP VĂN

TẠP VĂN do nhà MỚI xuất-bản

ngoài những bản thường có in thêm 10 bản giấy lụa gió HOÀNG YẾN đánh dấu từ I đến X. Mười bản này không bán.

VIỆT-SỬ

BẢN SỐ

Kho sách xưa Quán Ven Đường

LOẠI SÁCH GIỚI - THIỆU

ĐÔNG DƯƠNG
Số 30136

# VĂN-HỌC TRUNG-QUỐC

## HIỆN-ĐẠI

# TẠP VĂN

ĐẶNG THAI MAI

*dịch*

THƯ VIỆN

*mới*

119, LÊ LỢI — HANOI

M C M X L V

160 Indoch
1246

## CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

**Văn học khái luận** (Hàn-Thuyên)

**Lỗ Tấn** (Thời-Đại)

**SẼ XUẤT BẢN:**

**Lôi Vũ** — *Dịch theo nguyên văn của Tào-Ngu.*

(Nhà in Thanh-Nghị)

**Gia** — *Dịch theo nguyên văn tập tiểu thuyết của Ba-Kim* (Mới)

**ĐANG SOẠN:**

**Chung quanh vấn-đề sử học**

(Mới)

**Một trăm năm văn học Trung-Hoa (1840-1940)** (Mới)

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

# MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Phong trào tạp-văn cũng là một luồng du-ba trong trào-lưu văn-học đại chúng ở Tầu vào khoảng hai mươi lăm năm giời gần đây. Bắt đầu từ 1917, lịch-sử vận-động tân-văn-hóa ở Trung-quốc đã gây nên hai cuộc tranh-biện khá kịch-liệt.

Vào khoảng 1917.1920, là thời-kỳ tranh biện về « Ngữ-thể ». Các nhà văn đã thảo luận về tự-liệu và văn thể của văn-học, đã cùng nhau biện bác về vấn đề : lúc viết văn nên dùng những tiếng nói thường dùng trong đại-chúng hay chỉ nên dùng tự-liệu cao quý, và theo thể-lệ uyên-bác của lối văn cổ-điển.

Một bên, phái Học-hành (đòn cân văn học) thì ủng-hộ cổ văn, — tức là lối « Văn-ngôn ». Bên kia, các nhà văn mới trên lập-trường dân-chủ, hay xã-hội chủ nghĩa có Hồ-Thích, Trần-độc-Tú (hay Trần-trọng-Phủ) làm lãnh-đạo và có bộ biên-tập các tờ tạp chí tân-tiến nhất là tờ Tân thanh-niên làm bàu-thuẫn để xướng lối văn phổ-thông, văn bạch-thoại để truyền bá tư-tưởng mới vào trong đám dân chúng cho nhanh chóng và tinh tường. Cuộc tranh biện này đã kết-thúc với sự thắng lợi vẻ vang rõ rệt của văn bạch-thoại.

Sau đó, cuộc tranh biện lại tiếp tục xung quanh vấn-đề : « nội-dung của nền văn học mới », Ấy, là cuộc văn-học luận-chiến trong khoảng 1926-1928. Thời kỳ này là thời-kỳ tu-chỉnh trong quan-điểm duy-vật biện-chứng-pháp. Số là một vài tác giả, đứng trên lập trường vô-sản đã yêu cầu văn-học và nghệ-thuật phải thỏa-mãn một mục-đích duy-nhất, mục-đích tuyên-truyền về chính-trị và xã-hội. Thái-độ quá khích đó đã xúc

động lên luồng dư-luận phản-đối của phái Ngữ-ti (Tơ lời). Lần này, không phải là một cuộc tranh-biện về idéologie — ý thức hình thái — Số là hai phe đối địch đều đứng trên lập trường xã-hội chủ-nghĩa, và một mặt nữa phái Ngữ-ti — dưới sự lĩnh-đạo của Lỗ-Tấn — cũng không bề phản đối văn-học cách mạng, Chỗ không đồng ý giữa hai bên chỉ là vấn đề « ý nghĩa văn-học trong đời sống xã-hội ». Các nhà cực tả trong lu-triều duy-vật, nhất là nhóm sáng-tạo-xã quá đã hiểu văn học và nghệ-thuật theo một quan điểm quá chật hẹp, quá cơ-giới, và « thái độ kiên căng » của họ đã toan đem nghệ-thuật đi đến con đường chật hẹp, khó khan của lối văn chuyên môn về tuyên truyền. Bởi vậy, cuộc luận chiến này đã đưa đến một kết quả tốt cho văn-học Trung-Hoa, là sự tu-chỉnh lý-luận của các nhà văn, để đi tới một quan điểm chính xác xung thiệm hơn.

Sau hai cuộc tranh biện này, vào khoảng 1932, một ít nhà văn troug

phái thủ-cựu lại tấn công trên một chiến tuyến khác. Họ than phiền rằng : trong khoảng mười mấy năm gần đây, văn-học Trung-quốc không hề sáng tác được một áng văn nào có thể gọi là kiệt tác, là văn vĩ đại nữa. Họ buộc cho các nhà văn cái trách nhiệm đó. Họ gọi cái lối văn xuôi hằng ngày xuất bản trên các tập-san, các báo chí là « tạp-văn », nghĩa là một lối văn tạp-nham không theo quy luật cổ điển. Sự tố cáo đó đã gây nên một cuộc bút chiến nữa, giữa hai phái cũ và mới, một bên là mấy nhà văn thủ-cựu như Đỗ-Hành-Lâm-bi-Tuấn, một bên là các nhà văn tiền-tuyến như Lỗ-Tấn, Quách-mạt-Nhược Hồ-Phong v.v.

Tạp-văn đã thành một danh từ được người ta chú ý đến và đã phát triển đến một trình độ cao, từ năm 1935 giờ đi.

Năm ấy, ở Trung-quốc, mấy nhà văn tiền-tuyến đã lập ra mấy tờ tạp-chí mời như tờ Mang-chủng, tờ Thái-bạch để ủng-hộ tạp-văn. Cùng chung một mục-đích và cũng trong năm ấy, ở Tôkyô

một số văn sĩ Tầu lưu trú bên Nhật cũng tổ chức lên tờ Tạp-văn-xã, mỗi tháng xuất bản một kỳ. Lỗ-Tấn, Quách mạt-Nhược, và Đỗ-Tuyên (sau lấy bút danh là Bột-sinh) là chủ não tờ nguyệt san này. Tờ Tạp-văn-xã chỉ ra được bốn số. Sau đó, bộ biên tập còn cho ra tờ « Thất-văn » nữa nhưng cũng ra được một số. (1)

Nói cho xác lẽ, thì lối tạp-văn cũng chỉ là một bộ-phận trong văn-học báo-cáo — hay là reportage — mà thôi. Nhưng sở dĩ ở Tầu, nó đã có thể gây nên một cuộc biện-luận kịch-liệt, và cả một thế-hệ, một văn-phái là cũng bởi vì tình-thế đặc-biệt của nước Tầu về phương-diện xã-hội và văn-học.

Sau hai mươi năm cách mạng, thành đảng nước Đại Trung-hoa muốn thoát ly cái nạn nội-loạn, ngoại xâm, tất phải đem những tư-tưởng dân-chủ, và phương

---

1·) Theo bài « Trung-quốc văn-đàn tại Đông-Kinh » (Lịch sử các cơ-quan văn học Trung-quốc ở Tokyô) Văn-nghệ nguyệt san, quyển VIII kỳ thứ 6. Juin 1935.

pháp cải cách xã hội mà rót vào khối óc đại-chúng. Các nhà trung-kiện của phong trào cải cách hồi này vừa viết lại vừa phải h[illegible] làm việc để ma sống; họ phải bắt tay vào công-tác hằng ngày, để mà tổ-chức, huấn-luyện quần chúng ở các nông thôn, các xưởng máy, hoặc có lúc còn phải vác súng đi lên tiền-tuyến cùng quân đội nữa.

Dầu họ có công phu để viết ra được những tác phẩm vĩ-đại nữa, thì độc giả của họ, cũng chả có thì giờ thong-thả và học thức phổ-thông, đủ mà đọc được, hiểu được họ.

Lý do đã làm cho, tạp-văn thành hẳn một lối văn « gặp thời, gặp vận », là chính vì nó thích hợp với đời sống, với mục-đích của kẻ viết, của người đọc. Trong những trường-hợp tương-tự, ở các nước ngoài, người ta cũng đã thấy phát-hiện những lối văn mới như là văn tốc tả (viết lật-đật ; sketch), văn báo-cáo (reportage), văn-học đột-kích (littérature de la brigade de choc) v.v.

Vậy Tạp văn là một lối văn phản đối

với văn chính-thống, văn bàn-lâm, văn đại luận. Trong đời sống xã-hội Trung-quốc mấy năm gần đây, tạp văn đã lợi dụng khuôn khổ một tờ báo, một tờ tạp-chí, để thực hiện mục đích tranh-đấu. Không có thể nhắc lại câu nói của Khổng-Tử: «Giết gà hà tất dùng dao mổ bò» — để mà giảng giải sự phát-triển văn học tạp văn.

Tạp văn là «khinh kỵ đội» của văn học Trung-quốc hiện thời.

Chú ý về tình-hình sinh hoạt hiện thời của dân chúng, tạp văn sẽ nhọc theo hai mục-đích: đánh đổ những sự trạng hủ-bại, và kiến-thiết xã hội mới. Đề-tài (matière) của văn-học là thực tế, nhưng cũng không phải vì vậy mà nhà văn có thể trễ nải sự tu-dưỡng tư-tưởng và nghệ thuật. Văn báo cáo kiểu mẫu không phải chỉ là một bài biên bản khô khan mà thôi; nó cũng phải thỏa mãn tính-cách nghệ-thuật của văn-học nữa. Trong lúc báo cáo tình hình xã-hội, tạp văn cố nhiên phải là một thiên tả-chân công-bình, thiết thực, nhưng

đồng thì, văn nghệ cũng phải đủ sức để mà xúc-động cảm-quan của độc giả. Bởi vậy, quan sát cho thấu-đáo, lĩnh hội, mô tả cho có phương-pháp, hiểu rõ cảnh-tình của những kẻ bị áp bức thông cảm nhiệt liệt, chân thật đối với đại chúng, lòng tin vững chãi đối với tương lai, với nhân-quần, ý thức thanh-sở và vững chãi về nhân-sinh-quan, thế giới-quan cũng là những điều-kiện cơ-bản của văn tranh-đấu.

Với tính cách tranh đấu của nó, tạp văn không có thể không chú ý đến những nhân vật xấu, những sự-trạng hư-hỏng trong xã hội. Tuy vậy, nếu như mấy bài văn «tiểu-phẩm» này thỉnh thoảng cũng có bắn một phát tên vào một người; hay nêu lên một câu chuyện thời sự để mà công kích, thì mục-đích của nó vẫn là lợi-ích chung của xã-hội, chứ không phải chỉ để bôi nhọ ông nọ hay bà kia, chỉ thóa mạ để mà thóa mạ. Văn bài hước là một lối văn của tính tự ái, chỉ muốn thỏa thích cái tính thích bao biếm và tự cao của

một hạng trí thức ăn không ngồi rồi. Đời sống riêng của cá nhân, nhược điểm của một người về phần tâm hồn thể phách, trí tuệ không phải là mục tiêu của tạp văn; tạp văn không phải là bức bài-hoa hay lời ba-lơn của mấy chú hề đồng trên rạp hát, tạp văn là thứ văn phê bình đứng đắn, có ý nghĩa xã-hội và không ác cảm riêng gì với một người nào.

Mục đích tạp văn cũng là kiến-thiết, từ trong phạm vi sinh-hoạt hằng ngày: cho đến những sự yêu cầu của quốc dân, của xã hội, về kinh-tế, chính-trị quốc phòng... v.v.; tạp văn vẫn có ý giải-thích hiện-tượng và khái quát ý-chí và nhu-yếu của đại chúng để tìm những phương-pháp hợp-lý trên con đường cải thiện.

Nhà văn cũng là một phần-tử xã-hội một chiến sĩ đã sống, đã đau khổ, lo lắng, ước ao, và gắng sức cùng mấy trăm ngàn vạn đại chúng. Các nhà «chuyên-môn» về văn tiểu-phẩm ở Tầu vào khoảng 1932-1937 cũng là

những người đã theo trong quy mô sinh hoạt về các phương diện kinh-tế, xã-hội, chính trị, luân-lý, nghệ thuật để rút lấy những đề-tài hiện-thực và phu diễn cảm giác, ý-kiến của mình vào trong thiên văn-chương gọn gàng, xác thực, mà lại vừa linh-động, vừa phổ thông. Sức xúc-động, cảm nhiễm của tạp văn, ý nghĩa tố-cáo phản kháng, và kiến thiết của nó là căn bản ở nghệ-thuật đặc biệt của những lối văn tiểu phẩm. Về phương diện nghệ-thuật, ảnh hưởng các nhà văn ngoại quốc như là M. Gold (Mỹ. Tầu dịch là Quả-nhĩ-Đức) E. Kisch (Đức, Tầu dịch là Cơ-Hi), và Ilic, (Nga, Tầu dịch là I-lâm)... ảnh hưởng mấy nhà văn tiền tuyến nước ngoài trên đây đối với tạp-văn Tầu, rất là rõ rệt. (1)

---

1) Nên đọc tập : « My country and my people » của Lin-yu-Tang (Lâm-ngữ-Đường) viết bằng Anh văn và có bản dịch ra văn Tầu « Ngô quốc, ngô dân » (nước tôi và đồng bào tôi) và bản dịch ra chữ Pháp của S. và P. Bourgeois. — Payot 1937 Paris ; La Chine et les Chinois, Chương VII, phần thứ hai.

Mấy bài văn dịch sau này, phần nhiều là trích ở cuốn « Hiện-đại tạp văn tuyển » của Dương-tấn-Hào, xuất bản ở nhà in Bắc-Tân thư-cục, Thượng-Hải, 1936.

Giới thiệu tập « Tạp-văn trong văn học Trung quốc ngày nay » cùng các độc-giả nước ta, chúng tôi rất mong rằng : Các anh em thanh niên nếu ai có chí muốn « từ đời sống đại chúng bước vào cõi văn nghệ » sau này, sẽ nhận rõ mục-đích và ý-nghĩa văn-học đại chúng trong một thời kỳ của lịch-sử Trung-quốc. Một nền « nghệ-thuật vị nhân sinh » không bao giờ khinh miệt tính cách thời sự của văn-nghệ.

Mà cũng chính vì thế mà ta phải nhận rõ tính cách văn-nghệ của thời-sự.

*Septembre 1944*

**Đặng-thai-Mai**

# I. — Bàn về tạp-văn

*Dương-tấn-Hảo*

Hồi năm 1932, vì có người đề khởi vấn đề : « Vì sao Văn-học Trung-quốc không thấy sản xuất được những tác phẩm vĩ-đại cho nên ông Lâm-hi-Suyền viết trong tờ Hiện-Đại một bài « Tạp-Văn » đề phản đối « tạp-văn ». Ông Lâm chủ-trì rằng : nguyên nhân đã làm cho văn-học Trung-Quốc không có những tác phẩm vĩ đại là chỉ vì ngày nay một thứ văn giả chín giả sống — là thứ tạp-văn — đã thịnh hành quá thể. Sau đó, một cuộc tranh biện đã sảy ra chung quanh vấn đề : « Giá trị nghệ thuật của Tạp-Văn ».

Cuộc « luận-chiến » này, đến năm

ngoái mới thiệt kịch liệt. Vì phe phản đối tạp-văn thì có các người mà người ta đã mục làm « đệ tam chủng-nhân » như mấy ông Đồ-Hành, Thi-chi-Tồn, Lâm-hi-Suyền; và phe kia thì có mấy ông Lỗ-Tấn, Hồ-Phong Từ-mẫu-Dung, Tào-tụ-Nhân, trong phái văn sĩ « tiền tuyến ».

Trong mấy năm nay, tạp-văn lại phát-triển đến một trình-độ cao hơn hồi nào hết: ngoài mấy tờ văn-nghệ tạp-san như tờ Mang-Chủng, tờ Tiểu-Bạch ở Tân, và tờ « Tạp-Văn » ở Nhật (Tôkyo) lại còn nhiều tờ tạp-chí tổ, nhỏ cùng một thể cách, cũng đã ra-đời hàng ta khá nhiều bài về thứ tạp-văn mà các nhà văn-nghệ chính-tông vẫn bài xích lâu nay.

Theo nghĩa đen thì hai chữ « Tạp-Văn » vẫn dùng để chỉ những thể văn đoản-thiên, không đồng một thể với các áp thi, ca, trường-văn, tiểu-thuyết và bi-kịch đã thịnh hành từ xưa. Nhưng nó cũng là một thể văn vẫn bị các nhà văn chính-tông khinh miệt, nhưng ai được những người tiếp xúc với các nhà

văn mới đề-xướng và hoàn-thành. Vì thế mà ngày nay, phần-chất thứ tạp-văn đã biến-tướng và danh-từ đó hiện giờ là chuyên-chỉ hồi văn « đoản-thiên », những thiên « tạp-trước » giản về tính cách tranh đấu.

Thứ văn mà chúng ta ngày nay gọi là « tạp-văn » đó kể ra nó cũng là một sự-trạng đã phát sinh tự những ngày xưa kia. Nhưng sở dĩ mà ngày nay có đại thịnh hành đặc biệt ở Trung-quốc, là cũng có những lý-do xã-hội.

Số là trong thời buổi việc đời giồn dập và sức phản động gần hết sức hăng mạnh, văn-thể lối tạp-văn là đủ sức vừa trống gang vừa ngày gắt của đội quân tiền-đấu-kích để mà đánh cho tiêu hao lực lượng quân địch. Trong tình-thế Trung-quốc ngày nay, thế vận hồi ngoại-cố nhục nhã còn đương đã tràn ngập khắp cả trong xã-hội cho đến ngoài văn-đàn, chúng ta thử vào chiến-đấu hùng-hậu này và toàn thể đồng-chí đem nhau đi tập luyện, tức là đang để lo về sáng tác những bài giá văn vị đạo thì cũng chẳng khác gì là

cả nước đem nhau vùi đầu vào những công-cuộc kiến-thiết nọ kia. Thái độ ấy xét về phương diện tiên cực thì chỉ tổ làm cho chậm trễ sự-nghiệp quét sạch gai góc của lịch-sử ngày nay, và về mặt tích-cực thì chỉ giúp cho sự phá triển của những thế-lực độc ác mà thôi. Bởi vậy, đấy là một lý do đã làm cho tạp văn đã thịnh hành trên văn-đàn Trung-quốc ngày nay.

Nhưng lối chiến-đấu này, nếu như đem đại đội binh mã mà đi công-kích vào mặt chính trận tuyến kẻ địch, và hô hào với thái độ trịnh trọng, thì chỉ làm cho bọn phản-động — lũ địch nhân của mình đó — lại hết sức đem hết oai quyền của chúng ra để áp bức, để uy hiếp mà thôi. Bỏ cái chiến-lược ngu-xuẩn kia, thì tạp văn tân-tiến sẽ vận dụng lối công-kích rất nhẹ nhàng của ngòi « bàng xạo, trắc kích » để mà đi đến cuộc thắng lợi ngày sau. Ấy lại là một lý do thứ hai đã gây nên sự phá-triển của tạp-văn trong văn-đàn Trung-quốc ngày nay.

Và lại đối với một đội quân địch đã

đến hồi tiểu bão, trong một tình-hình xã hội đã lung lay rồi, thì cũng bắt tất phải điều động những lực lượng quá bùng bậu, và vận tải những chiến cụ nặng nề, đắt đỏ làm gì: một vài ngọn giáo cụt, mấy khẩu súng nhẹ, cũng có thể tiêu diệt quân địch trong một hồi trống rồi. Vì dụ phản đối với phong trào « độc kịch, tồn văn » (1) với lối « tạp-văn để công kích tạp-văn », mà viết những bài trường-thiên, đại luận, hoặc lo đi sáng tác những tác-phẩm ngữ dạ, thì khác gì là « dùng dao mổ bò đi cắt cổ gà » (2). Ai lại thừa

1) Xem bài ý nghĩa xã-hội của phong-trào « Độc Kịch và Tồn Văn » dưới đây.

2) Luận-Ngữ có chép câu nói Khổng-Tử lúc đi qua Võ thành một sở tại ở dưới quyền cai trị của một người học trò Phu-Tử, tên là Tử-Du. Khổng nghe tiếng đàn bát âm nhạc mà Tử Du dạy cho dân trong hạt để cho chúng hòa nhã thêm vào. Khổng rất vui lòng, nhưng vẫn mỉm cười và nói: « Cắt cổ gà ai lại dùng dao mổ bò! » (Nghĩa là một địa phương bé nhỏ như vậy cần gì cũng dùng những chính giáo liên vương) Nhưng ta biết rằng: Khổng-Tử chỉ nói đùa với Tử-Du mà thôi.

hợi dư công như vậy! Bởi vậy, sở dĩ tạp-văn thịnh-hành trong văn-đàn Trung-quốc ngày nay là cũng chính vì nó là một khí-cụ thuận tiện cho sự cắt cỗ gà, đàm tổ cày vậy.

Vả lại trong xã-hội rối beng ngày nay, không những nhà văn tranh đấu không có thì giờ và năng lực để mà chuyên tâm vào công cuộc sáng-tác những tác-phẩm vĩ-đại, mà cả bọn đại chúng làm lụng vất vả, lại thiếu cả kiến thức phổ thông kia cũng chẳng có đủ nhẫn nại và thời giờ nào, để mà đọc những tác phẩm vĩ đại đó. Bởi vậy, khổ bài gọn ghẽ, lời văn thông thường và ý nghĩa sâu xa của tạp văn lại hóa ra một thức ăn dễ tiêu cho họ hơn là thứ văn khác. Đấy là nguyên-nhân rất trọng yếu đã làm cho tạp-văn đã đặc biệt thịnh hành, và ngay từ lúc đầu đã gần gũi ngay với đại chúng ở Trung-quốc.

Bởi vậy, lối tạp văn này thực là một thể văn cải cách tiện lợi cho công cuộc phá hoại trong giai đoạn ngày nay. Tinh thế phát triển xã hội Trung quốc

ngày nay chính đã yêu cầu và quyết định sự thịnh hành của lối tạp văn.

Còn như câu chuyện « Vì sao mà chưa có thể sản xuất được những tác-phẩm vĩ-đại thì nó lại là một vấn đề không can hệ gì với tạp-văn. Số là các nhà văn phần nhiều còn thiếu thốn về phần thực cảm đối với hiện thực mà bọn người có những kinh nghiệm thực tế lại vì tình thế rối rít của xã-hội, vì chính sách ngu-xuẩn-hóa của giáo-dục, vì trạng-thái độc quyền của văn-đàn, làm cho họ thiếu năng lực, thiếu thì giờ và cơ hội để mà phát biểu ý kiến họ vào trong văn-từ. Bởi vậy cho nên cái cốt bánh xe thời kỳ vĩ đại này, trong lúc quay chuyển, đi tới, còn chưa chuyển ra được một tác phẩm nào có thể gọi là « vĩ đại » mà chỉ bùng ra được bấy nhiêu tạp-văn. Vậy nên ta thấy rằng: không phải vì tạp văn xuất hiện mà ngăn trở sự sản xuất những tác-phẩm vĩ đại, nhưng chính vì rằng những tác phẩm vĩ đại chưa sản xuất được, cho nên tạp văn phải xuất hiện, cho nên

Tạp văn mới phát triển đến một trình độ cao như vậy.

Dưới mối quan-cảm đó, chúng tôi biên-tập bộ « Hiện-đại tạp-văn tuyển » sau này. Có lẽ cũng không phải là một công tác hoàn toàn vô nghĩa.

Tuy vậy tài liệu mà kẻ biên tập bộ sách này đã sưu tầm được hiện còn thiếu thốn và một mặt nữa, khuôn khổ cuốn sách cũng có hạn ; cho nên tác-giả vẫn biết rằng : công trình mình còn quá đơn giản, quê kịch, ấy lại là một sự-thường còn cần thỉnh giáo với các độc giả.

Dương-Tấn-Hào

## II. — Một lối lý luận

*Tô - mẫu - Dung*

...Ở quê làng tôi, phần nhiều những người có công ăn việc làm, không mấy khi có thì giờ rỗi để mà chuyện trò cùng nhau... Họ không hề phát biểu ý kiến. Hạng người chuyên môn phát biểu ý kiến trong làng, chúng tôi thường gọi là bọn : « Anh Ba đầu cầu ». Bọn họ dại để là những người có thì giờ rảnh rang, trong giai cấp ăn không ngồi rồi, cũng có bác nhờ được « của cải tổ nghiệp lưu lại », cũng có bác nhờ con cháu nuôi nấng. Bởi vậy họ không cần phải làm lụng khó nhọc gì mà vẫn sống được phong lưu. — Đời sống phong lưu chính là cơ sở văn-

hóa ; mà văn-hóa tức là sự phát biểu ý thức vào trong lý luận. — Bởi vậy mấy anh Ba nhà ta cũng phải lập hội, lập hè và tổ chức lên những cơ quan ngôn luận. Tuy vậy, ở chốn quê làng, những hôm giời đông rét gia, ít ai ra khỏi cửa. Trong lúc ấy, bọn anh Ba cỗ nhiên cũng chỗn chui ở nhà, nằm queo xó bếp. Họ dại gì ra đường hớp lấy gio bấc cho lạnh ! Nhưng đến mùa hè, lúc giời đã chiều, tài thiệt là « gặp thời vậy thay » ! Trên bờ khe gió chiều mát rượi, sau bữa cơm tối, người làng lũ năm lũ ba, kéo nhau lên cầu hóng mát. Đàn bà không ai đến ; nhưng đàn ông thì bọn đứng lưỡi có, bọn trẻ tuổi có, tụ họp đông đủ ! Mấy « anh Ba » lúc này cũng đăng đàn, diễn-thuyết đối bên tai người làng kính cẩn đứng nghe. Bởi vậy, đầu cần dần dần đã thành ra cơ-quan vĩnh viễn, hay là diễn đàn của mấy « Anh Ba ». Cũng vì vậy nên người ta quen gọi mấy nhà ý-luận là « Anh Ba đầu cầu ».

Chúng tôi bàn tán đủ mọi vấn-đề :

khi thì phê bình thời sự, khi thì bàn
tán chuyện nhân tình thế cố, cũng có lúc
bịa những chuyện khôi hài cho người
nghe vui tai cười cợt. Nhưng bao giờ
câu chuyện của bọn họ cũng có một
nét đặc sắc, đó là bao nhiêu việc đời,
bất kỳ hay dở, nhỏ bé, thế nào chúng
cũng đem vào những câu cười cợt mỗi
nghe. Bất kỳ mọi nhân vật nào, bất kỳ
mọi sự trạng gì, hễ qua cửa miệng chúng
là thế nào cũng có mọi chỗ lục cười,
thế là chúng cứ xuyên tạc vào chỗ ấy
làm cho thiên hạ cười cợt. Cũng vì
vậy mà bao nhiêu thinh giả vẫn vui vẻ
luôn luôn, lẽ cố nhiên là bấy nhiêu
câu chuyện cười đùa, không hề can
phạm đến danh giá của bọn anh
Ba. Phần thì những người nghe quá
thực thà kia vẫn tin vào kinh nghiệm
của bọn « tiền bối » đó; nên họ vẫn
cho rằng bấy nhiêu lối thức của những
người lão luyện trong nhân tình thế
cố cũng là những câu chuyện có ích
cho sự xử thế sau này. Nhưng nếu
như có kẻ hoài nghi, sau lúc đã nghe

chuyện lại còn dám chửi vào mặt đời, thế thì mấy nhà « lý luận đầu cầu » sẽ lập tức vểnh râu, tu mỏ với nét mặt lạnh như đồng, hỏi lại ngay rằng :

— « Anh bồi cái gì ? Anh đã ăn được nhiều hơn tôi mấy vại dưa trường rồi ? ».

Chả là ở nhà quê chúng tôi mỗi năm cứ đến mùa thu thì mỗi nhà đều muối một vại dưa trường để dành ăn suốt năm, cho nên bảo rằng đã ăn nhiều hơn một người nào một vại dưa cũng là bảo rằng lớn hơn người ấy một tuổi. Vì vậy mấy anh Ba vẫn tự hào với con số vại dưa mà họ ăn được nhiều hơn người khác. Câu nói trên đây của họ trước hết là muốn khoe khoang kinh-nghiệm, kiến-thức và đạo-lý của họ.

Nhớ ngày còn ở nhà quê, thỉnh thoảng tôi cũng đã lên cầu hỏe bọn họ bàn tán, hiện giờ tôi cũng còn nhớ được khá nhiều chuyện hay hay. Bây giờ đây tôi nhắc lại một vài thí dụ gọi là giới-thiệu cách lập-luận của mấy ông anh

Ba » cùng các độc giả vậy.

Vì dụ như chúng thấy một người đàn bà có chồng đã ngót mười năm nay chưa có con giai, bỗng dưng một ngày kia có thai và lên chùa lễ phật, với nét mặt hớn hở chứa chan những hy-vọng, thế là chúng nó chửi mát ngay vào mặt : « Thế nào, chồng đi vắng luôn luôn mà bụng cũng to lên được là nghĩa làm sao ? Hẳn là lâu nay nghe bà nhạc luôn luôn chửi vào tai : « Đồ gái ninh không đẻ » Cho nên sinh chứng phụng ra rồi chứ gì. Thôi đây bảo này : « đừng hương đèn lễ bái gì vô ích, dành tiền lại đi cân thuốc uống mà bơn ». Kể ra nếu như người đàn bà ấy bị bệnh phù, bệnh thũng thiệt thì mấy lời dạy của các anh Ba có lẽ cũng không phải là vô ích cho người ta. Nhưng khốn một nỗi chúng nào có phải là quan thầy thuốc, nào chúng có biết phụ-khoa là gì, xem bệnh là gì đâu ! Chúng đã chẳng biết là người đàn bà kia bị bệnh phù hay là có chửa, nhưng chúng cũng vẫn nói quyết ngay là bị

bệnh. Số là chúng có sợ gì trách-nhiệm đâu! Nếu như người đàn bà có thai kia sau lúc đã nghe lời bọn mà lại hoảng hốt đi xin thuốc phù thuốc báng, thì câu chuyện cười lại càng to thêm nữa. Không những thế mà thôi, câu chuyện trên đây, đồn rông mãi ra, có lúc lại có thể làm cho những bọn đàn bà chửa khác cũng nghi hoặc thêm, thành thử giữa bọn đàn bà cũng vì vậy mà sinh ra nhiều chuyện.

Lại một thí dụ nữa: trong làng có một anh chàng, xưa nay ngoài sự hà hiếp vợ con ra, không biết gì sốt, không có can-đảm làm gì sốt. Nhưng một ngày kia bỗng dưng, — vì một lẽ gì không biết, — anh chàng ta tự nhiên phấn chấn lập tâm đinh đi lính vệ đánh giặc cho nước. Nếu như có kẻ biết cổ-vũ tinh-thần ái-quốc của chú chàng ta lên, thì mai kia chú có thể thành một người lính dũng-cảm trong đạo quân cứu quốc cũng nên. Những mấy anh Ba đầu cầu, trong những trường hợp đó, không bao giờ khuyên

## MOT LOI LY LUAN

người ta làm việc lối. Chúng sẽ chỉ nói khẽ với người kia rằng : « Thôi, đi đâu làm gì ? Linh tráng gì ? Anh chẳng làm gì được đâu ! » Chỉ mấy câu chán chường đó đã đủ làm cho người nghe mất hết tinh thần tiến thủ, và không hề có thể phấn chấn lên được nữa.

* * *

Mấy câu thi dụ trên đây cũng có thể cho chúng ta lĩnh hội qua loa được lối lý luận của mấy « anh Ba đầu cầu ». Lối lý luận của họ, là lối đội nước vào lửa, là một con dao giết người không thấy máu. Số là nó làm cho người ta áy náy về những chuyện đâu đâu, làm cho người ta chủ-trì vô định, hay là tiêu hao hết cả chí-khí. Từ ngày còn bé, tôi cũng chỉ vì đã nghe qua bọn ấy lý luận mà đến nay tinh-thần vẫn còn bị những hạt giống của cái tư tưởng mập mờ đó nó ám ảnh. Trong họ, có một người bà con thấy tôi trẻ tuổi ham

đọc sách, ông ấy « đội ngay gáo nước lạnh vào đầu ». Ông ấy bảo : « Học làm gì, đã đậu trạng đâu được đó mà ! » Thấy người anh họ tôi không thích đọc sách, chỉ thích làm vườn, ông ta cũng vẫn « đội nước lạnh », ông ta bảo : « Cày cấy làm gì ? Giầu đâu đến phần mình ? » Một hôm tôi hỏi ông ta : « Thế thì nên làm thế nào ? Thế nào là hơn ? » Ông ta giả lời : « Bọn người như các anh không nên làm gì cả, không có gì là « hơn » hết ! »

Vì vậy mà đến nay tôi vẫn không dám mơ tưởng đến sự nên làm gì « hơn ».

Nói đến « văn học đội nước lạnh », tôi muốn gồm vào đó một phần văn « u-mặc » hiện-thời còn đang lưu hành trên văn đàn nước ta. Ông Đức-cang-Đức, một nhà biên tập trong tòa soạn tờ tạp-chí Luận ngữ có nói cùng chúng ta mấy câu sau này : « Các nhà văn hiện giờ đương còn lo viết « văn đội nước lạnh » kể ra trong mười người

## MỘT LỜI LÝ LUẬN

Thì chỉ có một người là muốn đổi cho tiêu hao hết tinh thần tiến-thủ của thanh niên. Chúng ta nên cảm tạ chín ông kia hết sức. Nhưng tôi còn mong rằng: «Không những họ đừng làm cho người lanh cả tinh thần thiếu niên của chúng ta đi, mà họ lại làm thế nào để cung cấp cho anh em thiếu niên một ít nhiệt-tình, và đạo dẫn cho anh em chúng mình nhận thấy một con đường tích-cực, và có đủ sức bằng hái mà đi tới».

Về phần tôi, tôi còn muốn nói thêm rằng: thái độ Đào-tiên-sinh rất hay; nhưng một sự thực không thể chối cãi là cái lối văn hài hước ngày nay, cũng rất nhiều dọng lý luận «Anh Ba đầu cần». Chúng ta thử đọc qua những tác phẩm có tính cách «u mặc», thì chúng ta sẽ hiểu.

*Trích ở tập «Đả-tạp»*

## III.— Lối văn « u-mặc » (1) lắt léo

*Thiếu-Vấn.*

Trong những thời kỳ ảm đạm, có những nhà tri-thức có đủ mận-cảm nhưng thiếu nhãn-lực trông xa, cho nên tuy họ cảm thấy những nỗi bất bình đối với hiện-thực mà họ lại không nhìn thế ánh sáng trên tiền đồ, cho.

---

1°) Các nhà văn Tàu đã dùng hai chữ này. (họ đọc là u-mờ), để chỉ lối văn humour trong Anh văn. Chúng ta biết rằng : văn humour khác với lối văn hài hước của hài kịch. Nó là một thứ văn cười nhẹ nhàng, gọn ghẽ, nhưng có vẻ trầm-tĩnh, uất ức hơn. Có kẻ đã giải thích lối văn này là : « Một nụ cười kâm hội, một thứ văn cười hiểu ngầm lấy trong bụng ». Thiếu Vấn, trong bài này, không công kích văn humour, nhưng chỉ công kích một lối văn humour mà thôi.

nên họ không có can đảm nhìn vào sự thực để mà phụng sự chân-lý, để mà tranh đấu vì chân-lý. Bởi vậy có kẻ sẽ ôm ấp lấy mối tình « u-uất hoài-cổ », hoặc có kẻ sẽ đi tìm trong lối « u-mặc » một ít « thú-vị văn-chương » : họ muốn theo con đường này để đi xa thực-tế, và lánh mình vào trong một thế-giới không ai cai quản được.

Nhưng thực ra thì trong thế-giới không ai cai quản đó, cũng đã có một lớp người đã đến cư trú ở đấy tự những bao giờ kia rồi. Bọn này lại là bọn mệt mỏi với sự hưởng thụ trong cuộc đời vật chất cho nên họ còn cần khai tâm về mặt nghệ-thuật « dưỡng bệnh » ; họ lại cũng thích nghe những chuyện cười « tao nhã » để mà lĩnh lược lấy một vài giọt « thú vị thanh cao » của văn nghệ. Trong tình thế đó, họ sẽ nhiệt liệt hoan nghênh các bác văn sĩ đã xa lánh sự thực và đi tìm thứ văn « u-mặc » trong thế giới không ai cai quản, phường tri-thức ta vừa thấy trên kia.

Trước sự yêu cầu tha thiết của lớp

## LOI VAN U-MAC LAT LEQ

người đã mệt mỏi trong đời hưởng thụ vật-chất, trước khuynh hướng lánh xa sự thực của các phần-tử trí-thức đó, một lối văn u-mặc sẽ phủ-nhận hết trách-nhiệm trước tất cả mọi sự vật, và đem những ý-tưởng mơn trớn, những lời văn mỡ màu ra, để mà rõn cợt. Thứ « văn chương » ấy đã gặp một dịp may mắn lạ thường từ hồi năm ngoái đây, — là năm của Tạp-chí. — Thì một phần lớn các độc-giả tờ « Luận-Ngữ » do Lâm-Ngữ-Đường đại-suy chủ trương cho đến tờ «Học-Mỹ Hoa-An» cũng đều nhận nó làm tùy-thân bửu-bối.

Nhưng mà những kẻ sống trong xã-hội thực tại này, nếu không biết nhận thức hiện thực cho chính xác để tìm lấy một con đường sống cho hợp lý, mà lại đi tìm đâu đâu trong sự trốn xa cõi thực-tế những thú vị sinh hoạt, thì chỉ ngoài sự truy lạc ra, cũng khó mong đi tới được nào. Còn như bọn chỉ chán chê, miệt mài trong đời sống khoái lạc vật-chất thì lẽ tự nhiên là họ không có thể tiến lên một bước

nào được. Bởi vậy cái thế giới không ai cai quản đó dầu là chính-quán, hay là ngụ-quán của bọn họ thì cũng chỉ là một « mỏm chót vót sừng trâu » mà thôi. Cứ đâm đầu chun thẳng vào đấy thì đừng có mong rằng sẽ còn lối chun ra để mà bước tới nữa. Ấy là một điều Lâm-Ngữ-Đường tiên-sinh hiểu rõ hơn ai hết, cho nên ngài đã nói mấy lời sau này (về tờ Tạp-Chí có Khuynh hướng u-mặc do Lâm chủ trương):

« Thuận tay mà dở, trong này chúng tôi bàn đủ thứ : chính-trị có, đồ tây có, đồ tầu có, thậm chí đánh răng cũng có nói nữa. Xem chừng luận-điệu có lức đã tầu mất, tỉ mỉ chạy vào đến tận mỏm sừng trâu rồi đây. Thiệt là chỉ cầu lấy lối nói cho cao sâu : và đi xa hẳn lối văn chương kinh-thế. Một điều có thể tự lấy làm kỳ dị là cái đầu óc nhờ đấy mà nhẹ hẳn đi. Thì có lẽ trong cái mũi sừng trâu nhọn chót vót này, mình cũng thế mà có thể tìm được một chỗ yên thân chăng ? Cụ Khổng nói : « May yên tâm được thì

mày cứ làm ». Mà đằng này tôi thì tôi nghe là « yên » lắm. Vậy tôi chỉ ước ao là nắm ỳ mãi trong cái góc mũi sừng trâu chót vót này cho suốt đời ! »

(trích ở « Mấy lời tựa cho câu chuyện của tôi. » Của Lâm-Ngữ-Đường ; — nên tham khảo bài : « Bàn về Lâm Ngữ-Đường » của Hồ-Phong — số 1 tập IV của tờ Văn-Học Tạp-Chí).

Số là bao nhiêu kẻ đã lánh mình vào chỗ không ai cai quản, vào cái mãi sừng chót vót đó, vẫn cũng cảm thấy cần phải cười cợt, phải « bài-khước », và các nhà văn muốn thoát-ly thực-tế kia nữa, họ cũng vẫn cần phải tiêu sầu, cần cười cợt. Bởi vậy các nhà văn «u-mặc» này, một mặt thì phản-ánh mà một mặt lại thỏa-mãn được sự yêu cầu của cả tụi họ và lẽ cố nhiên là họ chỉ ao ước « bám chặt được lấy cái mũi sừng chót vót đó cho suốt đời ».

Thế nhưng trong thời-kỳ ảm-đạm này, vẫn có một bọn « đại-chúng », họ không hề trốn tránh thực-tế, họ không hề

đầm đầu lánh vào tận trong mũi nhọn chót vót của sừng trâu. Họ là bọn người chỉ cần tìm tòi những lý luận chân chính có thể chỉ cho họ một con đường sống. Bọn họ vất tiền ra mua một quyển sách, một tập tạp-chí là để tìm lẽ phải, tìm sự thực, chứ không phải chỉ lo chế-riễu, cười cợt. Và lại tôi cũng cần nói qua — sau mấy cuộc vận-động lớn gần đây, trước chiều phát-triển của văn-hóa Trung-quốc bọn họ lại tiến lên một bước và hiểu rằng: một cơ-sở lý-luận chính-đáng là một sự rất cần. Bọn họ tìm là tìm một lý-luận thâm thúy, cần-thiết, chứ không phải những danh-từ hoàng bậy; đùa bỡn mà nhất là họ không hề cần đến cái lối «u-mặc» mơn-trớn mỡ-màu đó. Một mặt nữa, các nhà văn vì chán với sự-thực, vì muốn trốn xa thực-tế mà chen vào mũi sừng chót vót kia, sau lúc đã nếm qua một vài lần cái thú vị «u-mặc» và chế riễu rồi, cũng có nhiều người đã cảm thấy rằng: thì ra ý-nghĩa cuộc đời cũng không phải

## LỜI VAN U-MẠC LẠT LÉO

chỉ là cười cợt một cách khinh-bạc hết mọi sự trạng. Và họ sẽ quay lưng lại, đi xa hẳn nghề văn «u mặc», để mà giở về với con đường của đời sống tích-cực. Vì vậy mà lối văn «u-mặc» dầu có thể làm cho một vài người đi đến thái-độ hoài-nghi, khinh bạc, thì chẳng bao lâu đã bị phần đông chán và bỏ rơi. Thực ra, bao nhiêu văn chương «u-mặc» đã in ra lâu nay, nếu có được hoan-nghênh thiệt tình thì họa chăng là chỉ có mấy bác «công-tử phệ bụng» nằm ngửa trên thảm cỏ xanh mà đọc báo «Luận-Ngữ», hoặc các ông chủ mấy công ty thuốc lá, mấy nhà ngân-hàng, bảo-hiểm mà thôi. Trong bọn hoan nghênh nó, nào có ai có thể bảo là một người thanh-niên có nhiệt-huyết và biết lĩnh-hội ý-nghĩa đời người cho thấu đáo. Nhưng kể ra thế giới nho nhỏ của các người yêu lối văn «u-mặc» bỡn-cợt kia cũng là một «mũi sừng chót vót rồi».

*(Trích ở tập Hiện-Đại VI ; — 2)*

## IV. — Lối văn « tốc tả »

*(viết nhanh)*

*Hồ-Phong*

Vài năm nay, trên các báo chí, mục văn-nghệ đã thấy cần có những tác-phẩm ngắn. Vì vậy mà lối văn tốc-tả mọi ngày sản xuất một nhiều. Hiện giờ lối văn đó đã thịnh hành và những tờ chuyên-san chú trọng đặc biệt về lối văn-chương ấy cũng đã thấy xuất hiện nhiều.

Đối với thể văn mới này đã có người cực lực mạt sát trong những bài phê bình nghiêm khắc. Họ cho rằng văn tốc-tả là một quái-tượng vô nghĩa lý, phá hoại mất thể lệ tiểu thuyết, phi báng cả tính cách thần thế của văn-nghệ.

Trong bài này, cố nhiên tôi sẽ không có thể tán thành lối lý-luận « nghệ-

thuật bái vật » (1) đó. Tôi chỉ có ý phát biểu một ít ý kiến riêng theo quan niệm cá nhân của tôi đối với vấn đề này.

Lối văn tốc tả vì sao mà phát đạt nhanh chóng, trước hết ta có thể nói rằng : chính là vì lối văn này rất thích hợp với tinh thần sinh hoạt đời nay, trong thời kỳ mà độc giả cũng như tác giả đều sống một cách lật đật hết sức. Những câu giải thích này chưa hẳn giảng rõ ý nghĩa lịch-sử của lối văn tốc tả. Muốn nói cho minh bạch hơn một tí, tôi phải nhắc lại sau đây một vài lời về lối tạp-văn là lối văn mà gần đây cũng nhiều người đã gia công chửi bằng miệng, chém bằng bút.

Vì sao mà « lối tạp-văn » lâu nay đã bị nhiều người ghét bỏ, lại chiếm được một địa-vị trọng-yếu trong văn học hiện thời ? Những kẻ nguyền rủa tạp văn, bực vì nỗi lối văn ấy ngày nay thế mà cũng có tên có tuổi. Những họ

(1) dịch chữ « idolâtre » trong tiếng tây. Nghĩa là đem vật mà thờ như thần thánh.

không hề chỉ rõ nguyên nhân phát sinh của nó. Mười mấy năm nay, làn sóng chớp nhoáng và thiên biến loạn hóa do đời sống xã-hội kích-động lên đã bắt buộc các nhà văn một mặt phải gây dựng những điển-hình vĩ đại trong những qui-mô sáng-tác lớn lao, và một mặt nữa lại phải vận dụng một hình thức đặc biệt của văn-nghệ để giải-phẫu xã-hội hiện giờ. Họ sẽ dùng ngòi bút sắc sảo nhanh nhạy để đánh đổ những biện-tượng gàn dở ngu-muội và ngoan-cố. Văn-phương của họ khác hẳn với lối đại-luận về xã-hội khoa học. Nó là một thứ văn theo nghệ-thuật lối văn «feuilleton» (1). Mục-đích của lối văn ấy là mô tả và phê bình những biện-tượng luôn luôn biến đổi của đời sống xã-hội hằng ngày trong những câu văn linh động, cấp tốc.

Văn «tốc tả» là chị em cùng tập-văn: Dưới tình thế biến hóa kịch liệt của xã-hội, ngoài công cuộc sáng tác hằng

1·) Nguyên văn viết bằng chữ tây.

ngày, các nhà văn thỉnh thoảng cũng phải viết một cách rất mộc mạc, rất nhanh chóng để phê bình những sự trạng đã phát sinh ra và để cung cấp cho độc giả những điều nhận-thức về thực tế. Đây không phải là một lối văn-nghệ đã trải qua công trình khái quát và sức sáng-tạo của tưởng tượng mà chỉ là một lối văn ký-sự (sketch) (1) Đặc sắc lối văn tốc tả là sự trực-tiếp mô tả và phê bình những sự-vật đã xảy ra hằng ngày. Ta có thể xem nó như là một bức vẽ để biểu-biện thế-thái nhân-tình, có lẽ cũng đúng

Vậy nên văn « tốc tả » cũng chung một cơ sở sinh hoạt, một ý-nghĩa xã-hội với tạp-văn. Khác nhau là ở chỗ tạp-văn thì theo một khóc trong lý-luận xã-hội-học mà tìm lấy một tia hồi-quang linh-động của hiện tượng xã hội để cho độc giả nhận thấy những hình tượng phân minh. Văn « tốc tả » thì đem hình tượng để ẩm-thị hoặc biểu hiệu các hiện-tượng xã-hội trong lúc phê bình. Bất kỳ « tạp

---

1) Viết theo Anh văn trong nguyên văn.

## LỐI VĂN TỐC TẢ

văn » hay « tốc tả », đối với các sự-trạng sẩy ra trong đời sống xã-hội, trong lúc nhận-thức cho đích xác để rồi đem người đời cũng như là trong lúc ghi chép sự thực, đều có ý nghĩa tích cực. Không có thể thế hẳn cho công-dụng của sự sáng tác vĩ đại, « tạp văn » và « tốc tả » vẫn cáng đáng một trách nhiệm xã-hội mà văn đại-luận không có thể đảm-đương được.

Nhận rõ sự phân biệt trên này, chúng ta thấy rằng sức hoạt động của lối văn «tốc tả» khác hẳn với các lối văn khác. Một bài văn « tốc tả » phải thực hiện được đặc tính của nó mới có thể gây nên giá trị đặc biệt.

1· — Văn « tốc tả » không chú ý đến khái-quát và điển-hình. Nhân-vật văn « tốc tả » là nhân-vật có thiệt ; sự-trạng văn « tốc tả » là sự-trạng vừa xảy ra trong thực tế.

2· — Đề-tài văn « tốc tả » không phải là đình đài cũ, là non nước hay giăng hoa. Vai chủ-động ở đây là người trong xã-hội hiện-thời.

3.— Không cần mô tả kỹ lưỡng những việc nhỏ ; chỉ lấy lấy một vài nét có đặc-sắc.

Phần nhiều các nhà văn « tốc tả » ngày nay chưa đi tới trình-độ ấy, chưa thực-hiện được bấy nhiêu điều - kiện. Muốn đạt mục-đích ấy trước hết phải tự mình đi sâu vào trong đời sống công cộng, phải có một quan-điểm vững vàng và có sức quan sát cho sâu-sắc. Trong lĩnh-vực văn-học ngày nay, « tạp văn » đã gây nên một nền truyền-thống khá vẻ vang, khá oanh liệt. Tiền-đồ văn « tốc tả » sẽ có được như vậy không? Cái ấy tùy ở chỗ các nhà văn « tốc-tả » có thể bền lòng giữ lấy sứ-mệnh xã-hội của mình hay không ?

*(Trích ở tập Văn-Học quyển IV - số 2)*

## V.— Ý nghĩa xã-hội của phong trào Độc-Kinh và Tôn-Văn (1)

*Duy-Minh*

Sau trận Nha-phiến chiến tranh (2), dân tộc Trung-quốc đã bước vào một vũ-đài lịch-sử mới. Chủ-nghĩa tư-bản Âu Mỹ tràn qua làm cho xã-hội, văn-hóa nước Tàu cũng đều phải nhảy vọt theo đường quỹ-đạo tiến hóa. Đầu tiên, cuộc Mận-Tuất chính-biến (3) đã làm cho lung lay nền tảng chế-độ cũ. Rồi cuộc Tân-Hợi cách mạng (4) lại tiến lên một bước nữa mà đánh đổ cả cơ quan tổ-

---

1°) Phong-trào học lại kinh truyện ngày xưa, và viết theo lối văn cổ, do Chính phủ Dân-quốc chủ-trương sau khi đã khai-trừ các phần-tử cộng-sản. Mục-đích là cốt để phản-đối với văn Bạch-thoại và tư-trường tả-phái.

2.— 1884.
3.— 1898.
4.— 1911.

chức của nền chính-trị ngày xưa. Cho đến thời kỳ tân-văn-hóa của cuộc Ngũ-Tứ vận-động (5) thì đối với tất cả văn-học, tư-tưởng xưa kia truyền lại mọi người đều nhận thấy rằng cần phải đem ra mà phê-bình cho công bình và triệt để.

Thời-đại đã bắt buộc cả một thế-hệ phải đem hết bao nhiêu những đi-sản ngày xưa mà đánh giá lại.

Bởi vậy, trong thời kỳ Ngũ-Tứ, không những người ta đã công nhiên phản-đối với nền lễ giáo xưa nay vẫn được tôn-sùng mà thôi ; mà bao nhiêu thánh-kinh hiền-truyện ngày xưa để lại bấy giờ người ta cũng đã đưa ra phê bình lại, rồi gởi vào cất ở các viện Bác-vật nốt. Tiếng rằng : về mặt thực-hành, cuộc Ngũ-Tứ vận-động còn chưa làm được hết nhiệm vụ lịch-sử của nó, nhưng trong cái công cuộc « phản-đối độc-kinh, phản-đối văn-ngôn » (phản-đối tới văn cổ) và cải lương chữ Hán, thì cũng đã được những trận thắng lợi khá vẻ vang, rực rỡ rồi. Mấy cuộc nội-loạn trong

5.— 4 Mai 1919.

khoảng 1925-1927 lại làm cho mấy cuộc thắng lợi đó được củng-cố và phát triển thêm một cách rất nhanh chóng.

Thế mà thời kỳ đã bước đến năm 1934. Bao nhiêu sự-trạng đều biến chuyển hết. Trong-lúc từ Nam chí Bắc, tưng bừng người ta bày biện nào là « Hội Kinh-Lão », nào là « Rước Tiết-Phụ », nào là khao « dâu thảo » « cơm hiền » thì cái khẩu hiệu « Độc-Kinh cứu quốc » (1) lại ở đâu từ vũng Quảng Đông giồn ngược, ầm ầm muốn chuyển cả cung mây. Các nha đương-cục tỉnh Quảng-Đông cho rằng : « Thực hành lời dạy trong Kinh, Truyện là một trách nhiệm rất cần thiết, rất khẩn cấp để mà nâng cao trình độ giáo-dục để bảo tồn quốc túy, và để khôi phục lại cái nền đạo đức sẵn có từ xưa của Trung-Quốc ». Vậy người ta đã thông sức bắt buộc từ ngay năm học này, trong các lớp trên ban Tiểu-học và trong tất cả các lớp Trung-học đều phải thực-hành

(1) Đọc lại kinh, truyện để mà tìm phương pháp cứu nước.

chương trình dạy Kinh, Truyện. Ngoài ra các tỉnh thành khác như ở Hồ-Nam, Thượng-Hải cũng vậy, đều có chương trình mới về môn học Kinh, Truyện. Trong lúc ấy ở Thượng-Hải còn có sáu chục nhà « túc học cự nho » đã lo tổ chức hội « Hội Tồn-Văn ». Họ chủ trương phải bảo-tồn lối văn « Văn Ngôn » phải bảo-tồn Hán-tự, và phải lấy văn chương trong các Kinh Truyện, chính-sử, Chư-Tử, Bách-Gia làm tiêu-chuẩn duy-nhất của quốc-văn rồi sẽ nhờ đó mà nâng cao trình độ văn-học của học sinh và cứu vãn nước nhà trong tình-thế nguy ngập này...

Vì sao, ngay nay sau khi cuộc Ngũ-Tứ vận-động xảy ra đã có mười sáu năm giời mà bấy nhiêu đồ bỏ đi, những vật đã bị người ta quăng vất, thả xuống hố từ bao giờ mà còn ở trong mồ ma nhảy ra, và tổ-chức lại được một cuộc « khiêu vũ âm ti » ở giữa trần gian này.

Về câu hỏi đó, chúng ta không lẽ không chịu khó tìm lấy một câu giả lời cho thỏa đáng.

## PHONG TRAO DOC KINH VA TON VAN

Trong một bài diễn thuyết ở Hương-Cảng, bác-sĩ Hồ-Thích cũng đã giảng giải về vấn đề ấy. Ông nói :

« Ngày nay ở Quảng-Đông có khá nhiều người hết sức phản đối lối viết văn phổ thông. Họ chủ trương viết theo lối văn cổ. Không những thế, họ lại đề xướng sự đọc kinh truyện. Tôi lúc đầu thiệt không hiểu. Số là tỉnh Quảng Đông chính là nguồn gốc các phong trào cách mạng ; thì cớ sao trong lúc ở các tỉnh khác đâu đâu cũng đã sùng sục những phong trào cải cách mà ở đất Quảng-Đông lại quay về khuynh-hướng thủ-cựu như vậy ? »

Sau lúc đã đặt câu hỏi trên đây, Hồ bác-sĩ tuyên bố rằng : đã « khảo sát kỹ càng » và trong đoạn kết luận, họ Hồ « nhận thấy rằng : chả là đất Quảng-Đông xưa kia chỉ là một vùng đất thực dân của Trung-quốc mà thôi. Vậy nên văn-hóa Trung-Nguyên ở nhiều chỗ khác đều đã thay đổi, mà ở Quảng-Đông còn giữ lại. »

Ý-kiến của bác-sĩ họ Hồ trên đây

hiển-nhiên là một lối kiến-giải lầm to. Sự « khảo-sát kỹ càng » của bác-sĩ đã dẫn bác-sĩ đi vào một câu kết luận đến vớ vẩn. Hẳng chưa cần nói đến ảnh-hưởng của chánh-quốc và đất thực-dân làm gì. Chỉ một câu văn-hóa Quảng-Đông là văn-hóa đất thực dân của Trung-Quốc cũng đã không thông. Số là cân ấy dùng vào trước đời Minh, đời Nguyên, đời Tống thì còn có thể được, chứ ngày nay ai còn có thể nói rằng văn-hóa Quảng-đông là văn-hóa một khu đất thực-dân! Cứ xét theo sự thực thì từ lúc chủ-nghĩa tư-bản đã xâm-loạt Trung-Quốc, thì tỉnh Quảng-đông là một địa phương đã tiêm-nhiễm văn-hóa Âu Tây trước chỗ nào hết. Nghĩa là nói về công cuộc duy tân trong văn-hóa thì tỉnh Quảng-đông vẫn là một địa-phương đi trước cả các tỉnh khác. Vậy thì sao không chú ý đến điều ấy mà lại chủ-trì rằng phong-trào « Độc-kinh » là một di-vật của văn-hóa Trung nguyên để lại riêng cho Quảng-đông? Thế thì

đối với phong-trào ấy ở Hồ-Nam hiện nay, và đối với phong-trào « Văn-Ngôn » mà xưa kia Chương-sĩ-Chiêu đề-xướng trong chính-phủ Bắc-kinh, Hồ bác-sĩ sẽ giải-thích thế nào cho trôi? Vậy chỉ căn-cứ vao địa-lý để giải-thích phong cuộc vận-động phục cổ, như lối Hồ bác-sĩ là lầm, lầm to, và cũng là một lối lý-luận nguy-hiểm.

Lại còn nhiều người cho rằng: phong trào phản-động, phong-trào « Đọc-kinh, Tôn Văn » sở dĩ có thể ngấc đầu lên được là vì công-cuộc vận-động cho tân văn-hóa đã hoàn-toàn thất bại rồi. Đại-biểu cho lối giải-thích này là tờ « Đại-Văn báo », Một bài xã-thuyết trong số ngày 3 Mars, tờ báo này đã tuyên bố rằng: « Nếu như công-cuộc vận-động cho tân-văn-hóa không thất bại, hoặc không suy-nhược đi, thì lối văn « Văn-Ngôn » quyết không có thể phục-sinh giờ lại được. Văn « Văn-ngôn » sở dĩ có thể hồi-phục, là chính bởi sự suy vi của văn Bạch-Thoại.

Ý kiến trên đây cũng vẫn không thông. Thì cứ bình tĩnh mà xét, từ hồi Ngũ-Tứ đến nay, có phải là bao giờ văn Bạch-Thoại cũng phát triển vùn vụt, một ngày một vững vàng thêm, chứ đã hề thất bại bao giờ, trụy lạc bao giờ? Thấy phong-trào « Đọc-Kinh, Tồn Văn » phát triển mà bảo rằng văn Bạch-Thoại đã phá-sản, thì thiệt chỉ tổ làm cho bọn Cổ-Trực và Giang-cang-Hồ đắc-chí mà thôi; nào có phải là một lối giải-thích xác-đáng về vấn-đề trên kia?

Nghĩ lại cho kỹ thì sở dĩ trong thời-kỳ này mà phong-trào phản-động đó còn có thể phát-hiện được không phải là vì « đất thực-dân vẫn bo bo giữ lấy văn-hoá cũ của chính-quốc », cũng không phải là vì « văn Bạch-Thoại » đã hoàn-toàn thất-bại ». Lý do trọng-yếu của những phong-trào đó là một nguyên-nhân khác, và có ý nghĩa xã-hội rất rõ ràng. Bấy nhiêu hiện-tượng văn-hoá xuất-hiện vào thời-kỳ này, không phải là một việc ngẫu-

nhiên, mà chính là kết-quả tất nhiên của nhiều điều-kiện lịch-sử biện-thời.

Thời-đại ngày nay đã trải qua mấy cuộc vận-động lớn như phong trào ngũ-tạp (1) và cuộc biến loạn 1927. Sau 1927, chúng ta lại thấy những trận bình hỏa như trận Cửu-nhất-bát (2) và nhất-nhị-bát (3). Dưới sự xúc-động của thời-cục, một số người kết luận ngay rằng: nguy-cơ đệ-nhất của tương-lai nước nhà là tư-tưởng bọn thanh-niên. Tụi chúng nó không những không biết «kính kẻ già, trọng người hiền», không biết «vâng lời» mà thôi; chúng nó lại không chịu «yên bần thủ phận». Chúng nó đọc sách ngoại-quốc, rồi cứ bàn bạc đâu đâu những chủ-nghĩa gì gì ấy!... Động một tí là đòi phản-đối cái này, cải-cách cái kia! Ấy thế: «nhân tâm bất cổ» (lòng người không như xưa); «tư-tưởng quá khích» như

---

1 — 30-5-1925
2 — 18-9-1931
3 — 28-1-1932

đường kia, thì làm thế nào mà thiên hạ không loạn lạc kia chứ!

Số là bọ cho rằng bao nhiêu sách vở ngày nay, hễ không phải là cá-nhân chủ-nghĩa gì gì đó, thì tức là xã-hội chủ-nghĩa, không thì cũng vô-chính-phủ chủ-nghĩa. Vô-chính-phủ chủ-nghĩa quyết là hỏng, những xã-hội chủ-nghĩa lại càng hỏng nữa! Nói gì đến cái cá-nhân chủ-nghĩa chỉ xui dục tụi thanh-niên chú ý đến vấn-đề cá-nhân, và lo tìm những ý-nghĩa gì gì cho đời sống cá-nhân: thì quyết là một chủ nghĩa giở thứ nhất rồi!

Thì chi hơn là chúng mình cứ đập sách kinh truyện của mình ra mà theo lấy cái đạo Trung-dung kia! Trong đó, ta có thể học những lễ phép giữa trưởng, ấu, tôn, ti; trong đó ta có thể tìm một con đường luân lý mà noi theo: «Kẻ quân tử nằm yên phận chữ bần; người thức giả biết chịu cái mệnh giời cho»; ta có thể theo gương «trung quân ái quốc»; ta có thể đào luyện lấy trăm phần tinh chất nô lệ... Theo ý kiến

của một hạng người, thì những của ấy chính là phái thuốc thần diệu độ nhất để chữa bệnh cho thanh niên ngày nay, và chỉ cần rót bấy nhiêu ý tưởng vào óc bọn thiếu niên là có thể cứu được Trung-Quốc. Và lại, đọc kinh truyện mà thôi, cũng còn chưa đủ; còn phải bắt chúng nó kính cẩn chúi đầu chúi óc vào trong đống giấy loại ngày xưa kia mà vẽ vời nữa: đấy mới thiệt là một đạo phù-chú công hiệu độ nhất để buộc chặt chúng nó lại.

Cũng như hồi cách-mệnh nước Pháp ấy mà. Đã có lắm nhà học-giả vin vào lý luận duy vật để phản đối tôn giáo. Nhưng lúc bọn họ đã nhảy lên cầm được chính quyền, tức thì họ vin vào tôn giáo để phản đối phái duy vật. Ở Trung-Quốc ngày nay, chính giữa lúc đại-biến-động này, đã bao nhiêu người lâu nay vẫn dùng văn Bạch-thoại để chống lại văn Văn-Ngôn, thì bấy giờ lại cố hơi, cố sức mà giở mặt đi công kích Bạch-Thoại!

Xét kỹ tính cách cuộc vận động ấy

ta có thể nhận thấy cái xu thế tất nhiên trong sự phát-triển của thời-đại; ta lại có thể nhận thấy cái ý nghĩa xã hội sâu xa của trào lưu nữa.

Dầu sao bánh xe lịch sử cũng luôn luôn đi tới đường trước. Phong trào « Độc-kinh » và « Tồn Văn » muốn đem những lực lượng yếu đuối của nó ra mà ngăn cản không cho thời đại đi tới, ấy là một điều không có thể thực hiện được !... Không tin, hãy ngóng chờ xem...

(*Trích ở tập Hiện-Đại III*, — 6.).

## VI. — Bàn về chữ « nhẫn »

*Trần-tử-Triển*

Khổng-Tử đã nói rằng : « Những việc nhỏ, nếu không biết nhường nhịn, thì hỏng cả việc lớn ». Câu nói chí lý.

Số là Khổng-Tử chỉ bảo người đời nên nhường nhịn trong các việc nhỏ mà thôi. Nếu chúng ta cân nhắc năng nhẹ, thì đối với những điều không quan hệ, chịu nhún nhường đi, để mà làm, những việc to tát, cũng là sự rất phải. Nhưng nếu như sự nhịn đó làm hỏng đến cả « việc lớn », thì đấy lại không phải là việc nhỏ đáng nhịn nữa ; và hễ là người có huyết-tính thì quyết không thể nhịn được. Một mặt nữa, cụ Khổng tuy

nói thế thì nói, nhưng đã có lúc vì những việc rất nhỏ nhen mà cụ cũng tức kia. Ví dụ : lúc cụ thấy nhà quyền quý nước Lỗ là Quý-thị dám tiếm dùng cả lối nhạc múa Bát-dật, thì cụ đã điên tiết lên và nói rằng : « Thế mà chịu được thì việc gì mà chả chịu được ! » Lại một lần nữa, người nước Tề ấy mà, đem mấy cô đào cho lão Quý-Hoàn-Tử ; thế là lão Quý-hoàn-Tử « cảm » cho đến phờ cả người đi, ba ngày giời không ra làm việc quan. Lại vừa dịp tế tự gì đó, người ta quên bẵng đi không đưa phần « thịt tế » đến biếu cụ Khổng. Thế là cụ Khổng vùng-vằng giận dữ, bỏ đi ngay, quan cũng chả thèm làm nữa ! Thì ra công trình tu-dưỡng của đức thánh vẫn cũng có chỗ chưa được đến nơi đến chốn.

Về đời Ngũ-đại, có bác Phùng-Đạo vẫn tự ví với Khổng-Tử. Nói đến công trình tu-dưỡng thì có lẽ lão ta còn tến bộ hơn cụ Khổng nữa kia. Nghe đâu hồi lão làm tể-tướng, có một người dắt một con lừa đi qua giữa phố ; trên

mất con lừa nó lại khoác lên một tấm vải ; trên tấm vải viết hai chữ « Phùng-Đạo ». Rõ ràng là chửi vào mặt cụ lớn. Thế nhưng cụ lớn Phùng tuy mắt trông thấy rõ ràng cũng chả nói năng gì. Đến lúc một người bạn đem câu chuyện ấy mách với Phùng, Phùng không có thể giả điếc được nữa, đành phải giả lời bạn rằng : « Trong thiên hạ, biết bao nhiêu người trùng tên, trùng họ, chắc gì hai chữ Phùng-Đạo nó viết lên đó là chỉ tên mình ? Biết đâu không phải là con lừa nhà ai mất, chúng nó tìm được, rồi định đem cả lừa đi để tìm chủ con vật mà giả lại... cũng nên ! »

Tục-ngữ nói : « Dụng lề tường chèo thuyền trong ấy cũng được ». Nghĩa là những kẻ không biết nhịn thì khó thể làm nên lề tường ; Người ta còn kể chuyện rằng : Đời nhà Đường, có một ông lề tường nữa tên là Lâm-sư-Đức. Khi làm quan đầu triều, cụ lớn bổ-cậu em đi làm đô-đốc vùng Đại-Châu. Lúc ông quản chú sắp lên đường, quan bác hỏi em : « Anh là một người thất tài,

thế mà lên đến ngôi Tể tướng. Nay chú lại làm Đô-đốc một châu. Phúc nhà như vậy rất dễ khiến cho người đời ghen ghét. Chú tính thế nào ?». Ông em thưa : « Từ nay về sau, dầu ai có nhổ vào mặt em, em cũng không nói gì sốt ! Em sẽ im lặng lau đi là xong. Ấn ở như thế, hẳn không đến nỗi phiền anh phải luôn luôn lo cho em ! » Sư đức nói : « Ấy chết ! Chính vì thế mà tôi lại càng lo cho chú. Người ta nhổ vào mặt chú, là người ta tức chú, giận chú ! Bây giờ chú lau sạch nước bọt trên mặt chú đi, thế có phải làm cho người ta càng tức không ? Người ta nhổ nước bọt vào mặt, để vậy nó cũng khô đi, thì cứ vui cười cho người ta nhổ vào có hơn không ?» Ông em : « Em xin cúi đầu vâng lời anh dạy ». Câu chuyện trên đây là câu chuyện « Nhổ vào mặt mình bãi nước bọt tự khô » của Lâm-sư-Đức. Bấy nhiêu câu nói thực là một thiên tả chân rất linh động để biểu hiện cái tâm lý những kẻ dã nhẫn nại chịu hết mọi nỗi sỉ nhục, miễn là

làm được nên quan.

Cụ Bạch-Sa tiên sinh là một nhà đại nho đời Minh, cũng có viết mấy câu châm ngôn về chữ « Nhẫn ». Cụ nói : « Thất tình phát ra, duy giận là mạnh. Lòng giận nổi dậy chi nhịn là hơn. Khi lửa giận nổi lên, lấy « nước nhẫn » đi. Một nhịn, hai nhịn, càng nhịn càng sắc ! Nhịn bết trăm bề là Trương-Công-Nghệ. Đừng rồi mưu to, mọi có thành công. Nếu không biết nhịn, thất bại đến nơi ». Cụ Bạch-Sa muốn học Trương-Công-Nghệ « nhịn bết trăm bề ». Đáng tiếc là cụ Khổng làm tề-tướng như tụi Lâm-Sử-Đức và Phùng-Đạo, để đem chữ nhẫn ra mà trị nước. Nên chi cụ chỉ có thể lấy chữ nhẫn để trị nhà mà thôi. Trong nhà ngoài nước đều không có thể rời được chữ nhẫn ; thì ra dân tộc nước Trung-Hoa mình là một dân tộc vĩ đại khéo nhịn hơn hết cả.

Cái chữ « nhẫn » này, có thể gọi là một hệ-thống triết-học trong quốc hồn quốc-túy có một không hai của chúng ta. Kể ra các nhà đạo Lão

phát-minh ra nó đã lâu kia, nhưng rồi người ta cũng chưa hề đem nó ra trình tòa để xin lấy đạo bằng cấp-chế tạo. Cái chủ-nghĩa « bất tranh » của Lão-Tử là cốt ở chỗ biết nhịn. Lão nói: « Thị chi vi không tranh giành... mà thiên-hạ chả ai tranh giành với mình. ». Gẫm cho kỹ, đấy chỉ là một lối ngụy biện mà thôi. Đồ-đệ các nhà « Đạo-Học » vẫn đem Hoàng-Đế mà gọi kèm với Lão-Tử và cho rằng: học-thuyết họ là « học-thuyết Hoàng-Lão ». Thực ra câu nói của họ chỉ là một cậu nói cản. Quả vậy nếu như ta có thể tin được những đoạn sử chép đến đời Hoàng-Đế, thì ngay lúc khai quốc, Hoàng-Đế đã dùng chủ-nghĩa đề-kháng, chủ nghĩa tranh-đấu để bước qua bể những nỗi khó khăn rồi! Hoàng-Đế có đánh đuổi giặc Xi-Vưu, thì mới trừ được một mối ngoại hoạn cho Trung-Quốc, mới chỉnh-đốn được nội-chính để lập nên một quốc-gia chứ! Lão-Tử thì chủ-trương dùng tranh-đấu, phản nhu-nhược, thế là không những Lão-

không hề theo dòng đạo-thống của Hoàng-đế, mà cũng chưa chắc đã đáng là một người con cháu Hoàng-Đế nữa kia!

Từ lúc triết-học nhà Phật truyền sang Trung-Quốc, thì tư-tưởng họ Lão lại thêm được một tay giúp việc nữa. Nghe đâu lúc còn tu-luyện, Thích-ca thường thường ngồi ngẫm nghĩ im phăng-phắc, không dựa cây một tí gì, ở dưới gốc một cây bồ-đề. Một con chim ở đâu bay đến, nó ngờ rằng con người đó là một khúc gỗ, thế là đẻ ngay một quả trứng vào lùm tóc của ông. Lúc đức Phật tỉnh cơn ngẫm, mới biết rằng trên tảng óc của ngài có cái trứng chim. Ngài nghĩ bụng: nếu mình đứng dậy thì chắc là con chim không có thể tìm được giờ lại và quả trứng sẽ vỡ bỏng mất. Thế là ngài lại giờ vào cơn ngẫm, mãi cho đến lúc quả trứng nở rồi, con chim con bay đi rồi, ngài mới đứng dậy đi về. Ấy đó, câu chuyện cũ này có lẽ chưa chắc gì mới là chuyện thực, nhưng cái công phu tu-dưỡng của nhà Phật

để thực hành chữ « Nhẫn » lại còn cao bằng mấy họ Lão nữa kia ! Trong thời kỳ Lục-triều, tư-tưởng Phật, Lão rất có thế-lực: ấy lại chính là lúc dân-tộc Trung-Hoa bị khổ sở hơn lúc nào hết. Cả một vùng đất Bắc nước nhà, bị lũ Ngũ-Hồ, mười sáu nước Bắc-Triều sâu xé, day vò. Thương hại cho cái triều-đình nhỏ nhỏ miền Nam, ẩn trong một góc, nín thêng im hơi, sống say chết mộng, để qua ngày trọn tháng... Đời nhà Tống, tiếng vẳng tư-tưởng nhà nho có thế lực rất to, nhưng thực ra mấy bực « đạo học » đầu đội mũ nhà Nho kia, vẫn khoác áo Lão và Phật. Bọn họ thích « cao đàm khoát luận », mà chẳng cần ý đến thực-tế. Một câu chuyện còn truyền làm câu cười nghìn thu là câu: « Các cụ cãi lý cùng nhau chửa xong gì, mà quân giặc đã qua sông ». Ấy lại là một thời kỳ điên đảo, khổ sở thứ hai cho dân-tộc Trung-Quốc. Đất đai miền Bắc vào tay bọn mọi-rợ: kết quả triều đình cỏn con miền Nam lùi bước, lùi bước, lùi mãi đến tận ngọn núi « Lý Nham »

miền Quảng-Châu; Ông vua bé con nhảy xuống bể trầm mình chết xong đời!... Đến triều Minh, « đạo học » có thể nói là bước vào thời kỳ trung-hưng. Nhưng các nhà nho thủy-chung vẫn, lá mấy chữ lái đi quảng-cáo cho đạo Phật và đạo Lão: triết-học hồi ấy là triết-học tiêu-cực, triết-học lười nhất, một thứ triết-học không muốn đi lên một bước nào nữa! Tiếng rằng có bác Vương-dương-Minh nào đó — người ta vẫn mục cho lão làm một ông đồ vô-dụng — đã có thở ra mấy câu bất bình, nhưng chả bao lâu thì học thuyết của Vương cũng t rụy lạc thành một lối nói cuồng phong mà thôi! Nhà Minh mất nước, dân-tộc Tầu lại điên đảo trong một thời kỳ ba trăm năm nữa... Không phải là tôi quyết đem hết trách nhiệm tất cả các thời kỳ khốn-đốn của dân-tộc Trung-Quốc, trong hai nghìn năm nay, mà trút sạch vào đầu các đồ-đệ Lão và Phật cùng bọn đạo học trong Nho-Giáo đâu! Chẳng qua huyết mạch dẫn ta tiềm-nhiễm được tư-tưởng ba phái

đó đã lâu, mà cái công-phu tu-dưỡng của ba phái ấy để thực hành chữ « nhẫn » của họ càng làm được tinh-thâm chừng nào, thì cái tính nhịn nhục của họ lại càng kiên cố chung ấy, để mà thành hẳn một tính-cách đặc-biệt, rất bền chặt của dân-tộc, đánh cũng không tan nữa ! Vì vậy mà cái dân-tộc nhịn-nhục rất vĩ-đại kia, cũng thành ra một dân-tộc rất thích hợp cho sự xâm-lược và khinh rẻ của người nước ngoài.

Một nhà triết-học đã được người ta liệt vào phái Mặc đã nói rằng : « Thấy sự nhục nhã đừng lấy làm nhục ; ấy cũng là một cách tranh-đấu để cứu đời. » Chịu đựng hết mọi bề, để mà đề xướng hòa-bình ; đấy thiệt là một chủ nghĩa hòa bình rất là vĩ-đại ! Còn nhớ trong tập « Diệu-hương thất tùng thoại », một nhà nho đời Thanh là Trương-bội-Nhân, có viết đoạn văn sau này : « Chỉ một « chữ nhẫn là một thứ thông-bửu của « thiên-hạ. Ví dụ như ta cãi cùng ai « về một câu chuyện gì, nếu biết nhịn



• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

« đi, thì tinh-giảm đi được bao nhiêu
« là mồm miệng ! Nếu như nằm ngủ
« với một người đàn bà đẹp mà biết
« nhịn đi, thì có phải là dịu dữ được
« bao nhiêu là tinh-thần rồi không ?

« Bao nhiêu công việc nay, nọ trên
« đời vừa mới nghĩ đến trong ý-tưởng là
« nên giật mình tỉnh dậy ngay mà nhịn
« đi. Xử-trí mấy ý-tưởng đó cũng như
« ta trị con ngựa ấy mà : nó muốn lười
« là ta đánh ngay một roi, thì công
« việc dễ dàng đi nhiều ! Nhưng trong
« chữ nhẫn còn có một chân-đan nữa:
« ấy là chữ « hòa ». Lấy hòa-khí mà vận
« dụng chữ nhẫn, như lấy dao mà cắt
« nước vậy : chả có một dấu vết gì sốt !
« Hòa, nghĩa là có những cảnh người
« đời coi như phong ba bão táp, mà ta
« cho là ấm áp giời xuân ; người kia cho
« làm trận sóng cuồng mặt bể, mà ta cho
« là phẳng phẳng đất bằng ; Thế mới
« thiệt là hòa. »

Thế nghĩa là nói : « Nhịn nhục với hòa-bình, là hai sự-trạng không thể cắt đứt cho lìa nhau ra được ». Dân-tộc

nước Trung-Hoa chính là một dân-tộc nhịn-nhục vĩ đại hơn ai hết, mà đồng thời cũng là một dân-tộc yêu hòa-bình hơn cả.

(*Trích ở tập Thái Bạch số 2 kỳ thứ 12*)

# VII. — Một lũ mê mẩn.

*Bạch-chỉ-Tuấn*

— Rét ! Rét quá nhỉ !

Đó là những câu nói mà ngày thường trong lúc làm việc chúng tôi luôn luôn than vãn cùng nhau. Bất kỳ là giời nực hay giời lạnh, chúng tôi vẫn làm việc, vẫn kêu rên rỉ chừng ấy chuyện. Dầu ôn-đô ngoài kia có lên cao hay xuống thấp đến chừng nào thì chúng tôi cũng chẳng biết nào.

Trước đây, tôi còn là một người thợ tập việc trong một xưởng đàm nước đá. Sau ba năm tập việc thì từ hè năm ngoái tôi đã được lên chân thợ chính thức. Thế là mỗi tháng được mười hai đồng lương. So với hai đồng tiền công lúc còn đi tập sự thì ngày nay lương



Kho sách xưa Quán Ven Đường

đã lên được mười đồng. Nhưng kỹ thực mỗi tháng chỉ ăn lên được năm đồng thôi, số là xưa kia không mất tiền cơm, mà ngày nay lại phải giả tiền cơm đó, mỗi tháng mất đi năm đồng. Mặc dầu, đối với tôi món tiền năm đồng được tăng đó vẫn là quý hóa lắm rồi. Có ba năm học tập, ba năm kinh-nghiệm mới được chừng ấy, phải dễ dàng gì?

Xưởng máy nước đá và cửa hàng đều lập ở trên bờ sông. Xưởng ở mé trên, cách cửa hàng chừng bốn mươi dặm. Cái bộ máy làm nước đá là cứ ngày đêm quay, quay tít như thế đấy, mùa nực cũng như mùa rét, từ lúc tôi đặt chân vào xưởng cho đến ngày nay, nó vẫn cứ quay mãi, quay hoài như vậy.

Mùa hè, nước đá chế ở xưởng ra là phải nội nhật đó chở đến cửa hàng để đem bán. Mùa đông nước đá làm ra cũng trong nội nhật đó phải chở xuống cửa hàng. Nhưng không bán và cất trữ lại trong một cái hầm ở ngoài thành phố để sang năm sau cho có đủ nước

đã bán luôn từ tháng tư cho đến tháng chín. Xưởng thợ làm ở trên sườn một ngọn núi, kề với dòng sông, lấy nước chảy một dòng sông thiên-tạo làm « nguyên-động lực ». Bộ máy lẽ tất-nhiên, là một bộ máy dùng sức nước. Ngày giờ công-tác việc của chúng tôi chia làm ba tốp: một tốp coi máy: máy sức nước, máy ép, máy điện và máy làm nước đá; một tốp nữa chuyên việc chế bao nhiêu nước đá vừa chế xong và hiện chứa ở trong gian kho kề liền với nhà máy ra đến thuyền ở bến đò. Còn một tốp được nghỉ.

Tốp thứ nhất, chúng tôi gọi là tốp chính. Tốp thứ nhì là « tốp dự bị »; còn tốp thứ ba là « tốp nghỉ ». Cứ sáu giờ lại thay đổi một lần. Ví dụ: sáng ra, đến sáu giờ là tốp chính vào trông coi nhà máy cho đến 12 giờ. Lúc nào chuông rung là tốp ấy được nghỉ. Được nghỉ ra là phải đi ăn cơm trưa ngay: ăn xong đi đề vào tốp dự bị, giúp đỡ mấy anh phu vác khuân nước đá

xuống thuyền. Sáu giờ chiều được về đi ăn cơm xong là lại phải đi ngủ ngay. Số là chỉ ngủ được sáu giờ đồng hồ cho nên ai nấy đều hối hả ngủ ngay. Đến 12 giờ đêm, bọn thợ «ha ban» ở xưởng ra đập dậy. Thế là ăn mỏ ăn rỡ vài miếng cơm rồi đi vào thay tốp chính-thức làm cho đến sáng giờ sáng. Mấy bộ máy làm bằng thép, bằng sắt kia dầu có quay quanh năm thì nó cũng chả mệt nào. Nhưng thân thể chúng tôi chỉ là bộ máy bằng thịt mà, bảo làm thế nào theo cho kịp nó! Trong quãng thời-gian 18 giờ, là phải làm việc đến 12 giờ.

Cố nhiên: trong lúc xuống ban đầu, có lúc nước đá làm chưa kịp, thì cũng thỉnh-thoảng được nghỉ. Chỉ có 6 giờ ngủ. Mà trong sáu giờ đó lại còn phải trừ thời-giờ ăn cơm nữa. Năm tôi bước chân vào xưởng này là chính năm xưởng mới mở cửa. Đã mấy lần bọn thợ và bọn tập việc đã đem nhau lên xin với chủ gọi thêm một tốp thợ nữa, để cho có bốn tốp

cùng làm. Chúng tôi cũng đi giới phân-minh về cách chia tốp : mục-đích là cốt cho mỗi người thợ có thể ngủ được mỗi ngày 8 giờ, và có chút thì giờ rảnh để đi lo liệu một vài việc riêng, như là mua đồ vặt, nhờ người viết thư v. v. Nghe chúng tôi nói xong, chủ nó chỉ hip mắt lại, và gắc đầu mỗi cái rồi đuổi cả lũ chúng tôi ra khỏi « buy-rô ». Cô nhiên là số thợ vẫn y như cũ. Số là thêm vào mười tên thợ nữa thì tổng số chi-phí cũng phải thêm vào mấy cho số tiền khác gì đem cả khu rất cũ lão chủ mà cắt ngang đi ?

Thế mà năm sau bỗng thấy lão tự ý gọi thêm một tốp thợ nữa, thành ra chúng tôi mỗi ngày có hai tốp giờ làm thứ hai tốp được nghỉ. Số là người ta thấy rằng bọn thợ khai « ma lắc chuyền » và xin đúng nhiều quá. Hình như lão chủ đã thấy rằng : giấc ngủ đối với chúng tôi cũng cần, và sự nhu - yếu này chính là một yêu-cầu của cá-nhân không có thể giải-quyết bằng phương

pháp lắc-đầu được.

Mùa đông chúng tôi vẫn làm việc trong xưởng nước đá. Nhưng trong nhà, ngoài giời, đâu đâu cũng rét, cho nên cũng không biết lạnh cho lắm. Nhưng giời hè, ở ngoài đi vào, mình mẩy nhẩy nhưng bồ hôi thoắt bước chân vào gian buồng rét giá của nhà làm nước đá, là da thịt đã rởn hẳn lên, rồi lại phải trần truồng trong phòng mà làm lụng, rét cóng cả người lại. Choáng cả đầu óc với không-khí ẩm-thấp trong tòa nhà kín mít; vả lại tường tuyền sơn đen, nên chi đèn máy cũng chỉ lờ mờ. Lũ người trong phòng in như một đoàn ma cùng nhau mò rờ quanh quẩn. Giờ này là giờ mở thùng nước đá. Một luồng không-khí trắng từ trong thùng bốc lên, làm cho chúng tôi lại càng cảm thấy rét, cóng. Xong đó là phải cùng nhau xúm xít vào đem bộ máy mà kéo đi kéo lại, đem bao nhiêu bình nước đá cứ từng dãy từng dãy đầy vào trong thùng nước gội. Độ vài phút sau, lớp nước đọng lại trên mặt nước

đá trôi hết đi, là phải dốc hòm rác khuân lấy nước đá, khuân đến kho trữ đá ở bên cạnh. Xong đó lại đem hòm không ra, giội nước cho sạch để lại thả lại vào trong thùng « đá ». Khuân « đá » gội « đá », giội nước, công cải tay chân, suốt sáu giờ đồng hồ rồng rã, không hề được nghỉ ngơi một chốc.

Lúc đứng coi « máy nước » hoặc máy ép thì cũng gọi là « nhàn » được đôi tý, nhưng cũng không hề dám trễ nải tý nào. Số là trục máy quay rất nhanh, như cái máy nước chẳng hạn, mỗi phút đồng hồ, nó quay đến non nghìn « lua ». Không biết có phải là vì máy chế chưa được thiệt khéo hay không? Nhưng cái cốt dầu của trục máy lắm lúc không chịu quay. Nếu không luôn luôn rưới dầu vào cho kịp, là cốt-trục và then trục xát ngay cùng nhau, sức nóng lên bắn làm cho cháy hết cả dầu, tỏe cả khói khét rẹt lên, và làm cho cháy xém cả trục. Một mặt nữa, cái máy nước lại rất ồn, cho nên lúc hai người làm việc đứng trước mặt nhau, muốn nói

cùng nhau câu chuyện gì là phải dùng ngón tay thay mồm.

Có một lần, — hôm ấy giời còn nóng nực — lúc tôi phải khuân « đá » lên thuyền, thì đâu bên cầu tôi gặp một thằng cu-li gánh than. Thấy bấy nhiêu nước đá, thằng bé nhìn tôi với một cặp mắt thèm thuồng hết sức. Nó nói thăm tôi về tình-hình nhà máy tôi làm, và nói :

« Chúng mày sung-sướng chứ ! Có « đá » mà ăn, mát nhé ! Ha ! Ha ! Ha ! »

Thực ra trong bọn cu-li cu-leo chúng tôi, những chỗ hiền lắm như vậy, hào phải riêng gì cho thằng bé gánh than. Nếu chính mình không trải qua cảnh-ngộ kẻ khác thì không tài nào hiểu rõ được sự thực. Tầng không-khí ẩm-thấp và rét giá đã làm cho chúng tôi rũ nhừ cả chân tay, và nhức cả óc, phát phiền cả ruột lên suốt ngày suốt đêm thì có ; chứ nào chúng tôi đã hề bao giờ cảm thấy cái khoan khoái của lão chủ xưởng ngồi mát dưới quạt điện, bên ống « hơi lạnh » đâu !

## MỘT LỤ MÊ MAN

« Mới đây, có một người anh em bọn thợ vì không chịu nổi cái khí-hậu nóng nực bất thần mà ngộ bệnh, rồi chết. Chúng tôi thương anh ta còn vợ dại con thơ, cho nên đem nhau lên xin chủ rộng lòng cho vợ con anh ấy một món tiền ít nhiều gì đó, gọi là « tử tuất » cho người xấu số. Lúc đầu lão vẫn cứ chiếu lệ, lắc đầu, không nói nửa lời. Một lát sau, thì xem chừng lão cũng động lòng thương, và thứa cho năm đồng. Chúng tôi nài xin thêm. Thế là lão đổi ngay nét mặt, giận bừng bừng lên nói :

« Nó chết, thì can gì đến tao, kia chứ ? »

Nghe câu nói đó, chúng tôi liền trầm mặc ra về. Tôi cũng im lặng đi về bên thùng nước đá ; định cất cái nắp thùng lên làm việc, tôi lại nghĩ bụng :

— Nào phải riêng gì bọn làm lụng như chúng mình là một lũ rũ nhừ cả người. Chính ông chủ kia, ngó bộ đầu óc cũng đã choáng váng, và không có biết gì là cảm-động nữa !

Tôi đã định bỏ ngay cái xưởng « đá » này mà đi. Đi xa hẳn cái chốn lạnh lùng, tối tăm này. Đi đến một chỗ nào sáng sủa, ấm áp hơn, mới tí.

Thế mà, mãi đến ngày nay, tôi vẫn phải ở đây cùng bạn bè, cóng cả tay chân, vừa làm việc vừa than văn : « Rét nhỉ ! Rét quá nhỉ ! » Tôi vẫn chưa tìm ra chỗ ấm áp, sáng sủa hơn cái nhà này.

*(Trích ở tập Tân-Sinh I, — 32)*

## VIII. — Một ông quan tốt

*Giang - quý - Tử*

Đem một ông quan tốt làm đề-mục viết văn, cũng là một sự hiếm hoi.

Chẳng biết vì sao trước đây mấy năm, có một hồi có một số nhà văn hay thích mô-tả « một anh cu-li áo vàng đáng thương », hay là « một bác thợ gầy mất một cánh tay ». Thứ văn-chương đó, hiện giờ không thấy nữa. Bởi vậy tôi tả một ông quan.

Văn-chương tả quan cũng có người không thích đọc. Ngay ở chốn Thượng-Hải này, người ta vẫn cho rằng tả quan thì bất-nhược tả mấy bác « Hồng-đầu hắc thán » mà có âu-lượng xấu xa hơn; vì là bọn đó ít nữa cũng là một hạng người bất-lợi. Một ông quan khi đi đến

Thượng-hải cũng biến-tướng bẩn đi, hoặc giả lại không muốn xưng mình là quan nữa kia!

Làm quan ở các tỉnh nhỏ, khác bẩn. Tiếng rằng có những thời-kỳ linh tơ hơn quan, nhưng sánh với dân thì quan vẫn sang nhiều chứ! Một mặt nữa, ông quan tôi sẽ tả đây là một ông quan tốt kia, là một ông quan rất nhiều hy-vọng kia! Thì ý-nghĩa câu chuyện quan này vẫn cao hơn là chuyện bác xe áo vàng hay anh thợ gẫy cánh tay. Vậy thì những kẻ xưa nay không thích quan, xem cũng chẳng hề chi. Và nếu như ngài là một ông quan nhỏ nhỏ, hay giả ngài là người đã định hoặc sẽ định làm quan, thì lại càng nên xem cho biết.

Theo đúng phương-pháp viết văn thì bao giờ cũng phải khởi dần với mấy câu nhập-đề. Tôi xưa nay không thích lối đó. Nhưng nghĩ lại câu nhập-đề cũng như là lời quảng-cáo ấy mà. Văn-chương lâu nay đã thành món bằng

buôn rồi, thì quảng-cáo là một sự cần chứ sao ?

II

Ngày nay kỷ-cương triều-đình đã được chỉnh-đốn, quan lại có những kẻ «trong veo», chắc là quan tốt cũng đã dễ tìm thấy. Nhưng có ông thì tôi không quen, cũng có những kẻ mà tôi không thích đem ra mà quảng-cáo một cách vô điều kiện. Vậy tôi sẽ chấm lấy bác X... một ông bạn của tôi. Quan hàm bác ta tuy không to lắm, nhưng cũng không tầm thường. Một mặt nữa, quan tốt cũng có nhiều thứ. Ông bạn tôi nếu không phải là hạng nhất thì cũng là vào hạng nhì, hạng ba. Tôi sẽ tả ông quan bạn tôi vậy.

Chép tiểu sử một vị danh-nhân thế nào cũng phải nói rõ lý-lịch. Một ông quan tốt ra giữa sân khấu cũng phải trình bày «cước sắc» mới tiện — (Trong bản : Triều đạ loại yếu, ta thấy chú thích : quê quán, tên họ, gia-thế bạ

đời giờ xuống, anh em, tuổi tác, đã can án hay chưa... gọi là cước-sắc.) — Nhưng nhà người ta có hơn bốn chục cou người, nếu mình cứ con cà con kê kể từ cô bé lên ba giờ đi thì tập văn giới thiệu nay sẽ đến thành ra một bộ truyện « Một nghìn, một đêm lẻ » mất! Chuyện dài, nói ngắn lại vậy : ông quan này họ X, tên XX, xưa kia đã học trường Cao-đẳng tiểu-học ở huyện lỵ, sắp đậu tốt-nghiệp. Sơ bổ làm một thầy thừa nho nhỏ. Sau mười lai băm ăn làm với quan trên, nhờ nàng dấu tùy bà gia, lên đến chức thừa-phái hạng nh., rồi lại năm năm phong-trần như cô hầu tùy bà cả nữa, mới lên đến chức kinh-lịch. Từ đấy về sau là sao phúc chói lọi chiếu vao đầu cung mệnh. Chưa ngót ba năm đã mông bổ trọng nhậm làm chủ cả một huyện. Ông người lùa mà mập, mặt đen mà tròn, cằm không một chạc râu ; vợ một bà, hầu một cô, cou ba chị thiên-kim tiểu-thư, tiền nhà băng gởi có sáu nghìn bạc ; tiếng quan thoại xen bảy phần thổ-âm ; ngày

# MỘT ÔNG QUAN TỐT

thường ăn mặc lối kiểu-tế ; tiếp khách khoác áo sa ; đi hội nghị nẹt đôi giầy ban. Tính rất nghiêm-khắc; gan to, lòng tham... Cứ tả mãi thế này, khi nào cho xong? Chi bằng xem cử chỉ quan lớn, họa nhấy nó rõ ràng hơn chăng?

## III

Sau đây tôi chỉ chuyên tả về đức-tính ông quan của tôi : thanh-liêm, cần thận và cần mẫn. Nhưng tờ tập sau này không phải là một bộ sử-ký, cũng không phải là một bộ nhân-vật-chí ; và tôi đây cũng không phải là đảm nhận chức trách một ông toản-tu. Rồi đây nếu cần thì đã có kẻ bình-bút đem tên họ ông ta liệt vào hạng tuần-lại (1) làm một nhà quan có tiếng cũng nên. Đây tôi chỉ chép một vài việc nhỏ, bết sức nhỏ, không có một việc gì nhỏ hơn

(1) Quan lành

nữa. Chả là câu tục-ngữ vẫn nói : « Xem việc nhỏ mới rõ việc to ».

## IV

Năm xu tem, năm xu tem có bi-thử gì ! Những ông quan này đã có lúc ngồi trù-trừ ngót nửa giờ đồng hồ mới quyết tâm gửi một cái thư thường với năm xu tem. Số là ông những ái-ngại với ba vấn-đề. 1.— Mỗi ngày ít nữa cũng phải gửi một cái thư, mỗi cái mất năm xu, mười cái năm hào, mỗi tháng có phải là mất tới đồng rưỡi không ? — 2.— Lương tháng hai trăm tư trừ hưu bổng còn lại, hai trăm mười sáu đồng thì là mỗi ngày còn bảy đồng hai, mỗi giờ ba hào. Mỗi ngày một con tem năm xu nghĩa là mất đứt đi mười phút lương — 3.— Năm xu tem, tính ra tiền là mười bảy đồng, nếu như... sao nữa ? Ông chị tính đến đấy thôi. Hai vấn đề rưỡi này trong nhà lại cũng có già nửa phần biết rằng quan lớn vẫn băn-khoăn cùng bấy nhiêu chuyện. Nhưng

không có ai chia buồn cùng ngài. Muốn tìm cách giải quyết, quan truyền đòi thầy thừa coi sổ lương lên để nhờ thầy xét xem trong luật bưu-chính các quan có quyền gửi thư không phải gián tem hay không. Thầy thừa bẩm: « Bẩm cái này... cái này hình như... Có lệ nhỏ cũng nên, nhưng quả là con chưa hề xem thấy lệ đó. » Quan nói: « Không có lẽ không có lệ đó. Làm quan đánh công-điện không mất tiền, đi hỏa-xa được trừ nửa tiền. Mà bưu-chính cũng thuộc về quyền-hạn bộ Giao-thông, thì hẳn cũng có luật như vậy chứ? Quyển điều-lệ dày-thép khá giầy, thầy hãng đọc xem ». Đọc nửa ngày giời, thầy thừa vẫn không thấy. Quan nói: « Chính-trị nước Tầu chúng ta còn nhiều khuyết điểm. »

Có người sẽ nói: như thế có phải đâu là thanh liêm. Làm quan mà chịu mất tiền tem, đó chỉ là một cái tư-đức mà thôi. Nhưng làm quan, nếu có kẻ « hóa tư vi công » (đem của riêng làm của công) thì cũng có kẻ « hóa

công vi tư » đem của công làm của riêng). Giới-hạn hai chữ công, tư, dưới chính-thể nhân-trị (1) vẫn là không có giới-hạn gì rõ ràng. Cho nên người xưa đã có câu : « nhân tồn chính cử, nhân vong chính tức ». — Người còn thì chính-trị còn được thi-hành, người mất thì chính-trị sẽ bị thủ-tiêu. Nhất là các ông quan tốt, họ vẫn xem việc công như là việc riêng của họ, và tiền công cũng là tiền tư của họ. Bởi vậy họ không cho ai một đồng, không phung phí một xu. Chế lá, bao diêm, ai mua nấy dùng, giấy má công văn, hai trang là đủ. Đồ lề cần mua cho ban giấy phải chọn thứ xấu và rẻ. Linh thường-ban (2) năm tên giảm đi ba;

---

1) Chính-thể nhân-trị lấy tư-cách người cai-trị làm căn bản, trái với chính-thể pháp-trị, lấy hiến-pháp làm căn-bản.

2) Ngày nay ở Tầu vẫn còn cách cho linh về nghỉ để lấy tiền tiêu. Ví dụ như một huyện có năm tên linh hầu và quan chỉ cần hai người là đủ, thì có thể cho ba tên về (hạ ban) và số tiền lương ba tên đó là về quan linh.

báo, hàng ngày ba tờ mua lấy một. Các chức dịch trong nha-môn có đau và xin nghỉ quá hai ngày là phải trừ lương. Một thuộc-viên chết, lương sẽ tính đến giờ tắt thở. Nếu như người « bất hạnh » đó đã có vay trước ba chục đồng, thì sẽ làm sổ quyên để giúp cho người chết trả nợ công-khố trong huyện từ quan cho đến các nha-dịch tất cả là ba mươi người, cứ binh bổ mỗi người một đồng là đủ bù vào. Cuối năm tính sổ sách, còn thừa được vài ba trăm đồng, quan gửi giả về bộ tài-chính, để tỏ tấm lòng thanh-kiết của ngài. Quan chờ nửa năm ròng rã không thấy Cụ Thượng Tài-chính trình xin tưởng-lục cho ngài, ngài sẽ thở dài : « Chính-trị nước Tầu chúng ta còn nhiều khuyết-điểm. »

## V

**Làm quan trước hết phải biết việc quan. Việc quan có văn-pháp, có những thể-thức phê đơn, tùy từng trường-hợp.**

Ví dụ như quan phê bốn chữ: « sự xuất hữu nhân » — việc này phát sinh ra hẳn cũng có cớ, — là một câu « thực », dưới đó nếu tiếp được một câu « tra vô thực cứ » — nhưng xét không có chứng cớ đích xác — thì lại là một câu « hư », bây giờ nếu sau câu « hư » « tra vô thực cứ » mà tiếp theo câu « thực » « sự xuất hữu nhân » thì lại là có chuyện rồi. Lối văn úp mở ấy, những câu bút sá ga chết ấy tức là việc quan. Ngày nay tiếng rằng đã cách-mạng những tập tục, chốn quan-nhà vẫn chưa bỏ hết. Các quan vẫn thích những câu sáo ấy. Trong khi viết thư nói chuyện họ vẫn không chịu theo thời thường cho mình bạch. Lại còn có kẻ bắt chước lối văn lấy đề cho trong từ-trát có vẻ mông lung khác hẳn thời thường. Ông quan này học vấn cũng không có gì là cao nhưng sau hai mươi năm kinh nghiệm trên đường chính-trị cũng đã học được hai chữ phê: chữ « cố » (hẳng) và chữ « tạm ». Ai xin phép thời: « Hẳng » cho nghỉ một hôm; ai có công-lao thời

« Tạm » ghi một lần... Thế là chẳng « có » thì « tạm », không bao giờ có một câu gì gọi là giải quyết cho sòng phẳng. Bấy nhiêu chữ nghĩa không chuốt không cần cũng không có gì là phân minh, chỉ luôn luôn nằm trong phạm vi mơ hồ. Đi có lần có những kẻ tiểu sử, muốn kiếm câu chuyện cười rồi đem chữ « tạm » của ông phê vào sau một bản án : « Tạm cho bắn chết một lần đã » ; và sau một cái đơn xin nghỉ họ chua thêm : « Ông không trông việc nhà thì bà làm vậy chứa ». Những người đọc mấy chữ đó đều cười sằng sặc. Quan liền xét ra tên thủ-phạm, nhưng sau lúc tra hỏi vẫn chỉ phê mấy chữ : « Hãy ghi đỗi một lần đã ».

Xem đấy đủ biết ngài làm việc quan cẩn-thận thế nào.

## VI

Trong sở có một ống điện-thoại : trước kia vẫn để nơi bàn giấy người thư-ký. Nhưng có nhiều người chức việc thường

dùng ống nói để tình-tự cùng bạn gái họ cho nên quan đã bắt rời bản ống nói vào trong bàn giấy của ngài. Nha dịch từ đó không dám dùng ống nói để nói việc riêng nữa nhưng họ lại chuyên môn dò xem quan thường trò truyện cùng ai. Ít lâu họ biết rằng : chỉ nghe quan nói cũng có thể đoán được người nói chuyện cùng ngài là ai. Kể ra cũng chẳng có gì là thần-diệu. Nếu như dạ dạ bốn năm tiếng thông, thế là nói với quan trên ; ba bốn câu mới có một tiếng dạ là nói chuyện với các ông thư ký trong bộ ; nếu như chỉ ừ ừ, được được và không có tiếng dạ nào tức là nói với nha-dịch bậc dưới.

Chỗ cần thận nhà quan là thế : một tiếng dạ cũng không bao giờ lạm dụng.

## VII

Làm quan đời nay cũng dễ mà cũng khó : dễ nghĩa là cần biết thảo tờ trình tờ bẩm là được, nói là khó vừa là khó cho những người không biết thảo tờ

## MOT ONG QUAN TOT

trình lờ bẩm. Tờ trình, lờ bẩm, tiếng rằng chỉ là câu truyện trên mặt giấy, nhưng cũng có lúc trong-yếu hết sức. Ví-dụ như phải thảo một tập kế-hoạch mấy năm chẳng hạn. Có lúc lại phải kê cả một tờ dự-án về cương-lĩnh chính trị trong hai mươi năm, hay là chương trình cải lương, chương trình khẩn thiết vân vân. Thảo xong kế-hoạch lại phải cúi đầu cúi cổ viết tờ báo cáo. Mấy tờ báo-cáo có lúc đăng vào quan-báo, có lúc chỉ trình với quan trên là được. Nói tóm lại, trách-nhiệm làm quan là phải viết được những câu văn chữ đẹp và có điển mục phân minh.

Muốn cho cẩn-thận quan ủy cho một thầy thừa chuyên môn làm công việc ấy. Thảo các kế-hoạch và các tờ báo-cáo. Vì vậy mà người ta gọi thầy thừa ấy là thừa báo cáo, thừa kế-hoạch. Thầy thừa thảo xong, quan ủy đưa lên, tìm những chữ hỏng mới đánh bỏ, rồi thành ra tập để gửi vào bộ. Trong một tháng được bảy nhiều giấy mà giấy ấy cũng đủ chép mấy nhà chuyên môn chép lại rồi mới



BIBL. NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

phê vào: « mạch lạc phân minh », « chịu khó làm việc ». Quan lại càng thích chí, vì mấy chữ phê đấy cũng là triệu chứng sắp được thăng thưởng.

## VIII

Quan tốt hay xấu là bởi chỗ chính-trị hay hay dở. Cách đối phó với nha lại cũng là một thủ đoạn. Ông quan này đối với thuộc-viên không có chính-sách nhất định, bẫng gọi là phương-pháp « âu, uy, tịnh - dưỡng ». Mỗi tuần lễ, ngày thứ hai, trước khi làm việc, phải đem cả gia-dịch làm lễ chào. Trong lúc làm lễ, nét mặt quan lạnh như đồng. Sau đó là giờ báo cáo rồi đến giờ huấn lịnh. Giờ này, quan sẽ đem hết các việc ra dạy dỗ, từ việc nhỏ đến việc lớn, từ trong công-đường ra ngoài nha môn, nào là cửa kính lau không sạch, nào là kỷ luật giữ không kỹ... Từ chuyện nọ đến chuyện kia quan sẽ mắng, mắng lấy mắng để, mắng to mắng nhỏ, mắng bóng mắng gió

hoặc mắng thẳng vào mặt, mắng hết cả mọi người, mắng lút mặt lút mũi, cố cúc bình như quan lại mắng cả quan nữa. Vì vậy nên những kẻ bị mắng cũng không có vẻ bực tức mà thỉnh thoảng lại cười mỉm nữa. Sau lúc đã mắng từ thứ hai đến chiều thứ bảy, sau sáu ngày trời đã mặt luôn luôn căng rắn bắn lên như vậy thì đến trưa ngày thứ bảy mới dãn ra một ít. Chiều hôm ấy quan lớn đi đi lại lại nơi phòng giấy các thầy thừa, cười cười nói nói để hỏi thăm trong bọn nha-thuộc trẻ tuổi có ai có tình nhân hay không, tình nhân có chính-chuyên hay không, vân vân... Nhưng không bao giờ quan lớn nói đến chuyện thực-tế sinh-hoạt, chẳng là quan sợ bọn họ lại mở miệng vay tiền hoặc xin lĩnh lương non. Đối với các thuộc viên đã có tuổi thì mới bàn bạc đến tin tức chính-trị, xã-hội năm sáu hôm vừa qua. Cuối cùng là câu chuyện tiêu-khiển trong ngày chủ-nhật, danh giá nhất là những kẻ được mời đi nghe kèn hát. Câu mời này là một

cũng mới, thì cũng phải đem ra mời là hiệu cùng nhau. Gặp lúc ấy mời vài ông quan thì hè lớn sẽ có dịp phô-trương tài ngoại-giao. Xong việc quan đã có chỗ đi chơi riêng.

Phương-pháp « tân-tuy tiện-dụng » này khi mời ông quan bản-hiệu thiết đem ra thi hành với các thuộc viên lắm lúc cũng có hiệu-quả lớn cho việc quan.

## LX

Mỗi năm cứ ngày hai mươi bảy tháng tám là ngày kỷ-niệm Khổng Phu-Tử, bao nhiêu cơ quan nhà nước đều nghỉ việc (không phải là địa bàn). Chiều ngày hai mươi bảy quan mới đem công-bố tờ thông tư đã nhận được hôm trước. « Ngày hôm nay là ngày sinh nhật đức chí thánh tiên-sư Khổng-Phu-Tử. Nhà môn sẽ nghỉ việc một hôm, nay thông cáo ». Các người chực việc lật-đật tay sắp giấy mà, miệng lẩm bẩm sắm sửa ra về. Cũng có một vài người đòi, cứ ngồi ỳ ra trước bàn làm việc để tỏ

thái-độ phản-kháng theo lối Á Q. Nhưng các quan xong việc đi ra nhìn thấy, chỉ ngoái lại khuyên cho mấy câu : « Hôm nay đáng lý được nghỉ cả ngày, nhưng giấy đều chậm quá, thế mà các anh vẫn chịu khó làm việc, giỏi đấy. » Vài chú Q bảm : « Không hề gì a, thì giờ chúng con kể làm gì ! »

« Ở phải, — quan nói — bọn mình dương ăn suốt ba mươi ngày; thì làm việc suốt tháng cũng là phải. Một ngày nghỉ việc cũng làm thiếu bổn-phận. Chúng là nếu phục-tòng mệnh lệnh ủy-viên làm việc cho hết lòi hết sức. Thế là mấy chú Á Q trong nhà-môn thấy mình thật-thể đều cảm hảo miệng lại ngồi thu người ra không nói được một câu gì nữa. Hôm sau họp đồng-sự sẽ bảnh chưng mà cười nụ ra về nhạo Sước.

Buổi sáng bảy giờ mới bắt đầu làm việc nhưng sáu giờ quan đã đến bàn giấy; buổi chiều năm giờ bãi hầu nhưng sáu giờ quan mới vào tư-thất. Cái chế-độ « lục-lục » (ù sáu giờ đến sáu giờ)

kể, ngoài ra quan vẫn thi-hành luôn luôn. Ngài nói rằng : «làm quan là nghề-nghiệp của ta. Không làm quan thì ta chả biết làm việc gì nữa. Đứng đầu một nha-môn cũng như là người chưởng-quầy trong cửa hàng ; trách-nhiệm ông chưởng-quầy là bao giờ cũng thức khuya dậy sớm. Xem trong câu nói đó cũng đủ biết ngài siêng-năng cần-mẫn là thế nào. Ông quan này quả là một ông quan tốt.

X

Được một ông quan, không tham-nhũng đã là một nhân-vật hiếm có. Huống hồ ông lại biết ẩn-tiện của công và dốc lòng làm việc. Thế mà ông không được thăng quan, tôi cũng rất lấy làm tiếc. Nghe nói ngài đã nhờ người viết bảy tám lá thư giới thiệu, đã gửi đi mấy chục lần « báo cáo công việc » nhưng vẫn không có hiệu quả. Không được ăn lên, không được thuyên-thăng cho nên ngài thường thường than rằng : «Chính-

## MOT ONG QUAN TOT

trị nước mình còn nhiều khuyết-điểm.»

Tôi rất biểu-đồng-tình. Tôi trông ngài mau mau được thuyên-thăng, được đứng đầu một cơ-quan trọng-yếu hơn để cho chức-dịch trong các cơ-quan trọng-yếu đều chịu ảnh-hưởng tốt của ngài, đều bắt chước ngài. Ấy cũng là một kết-quả tốt trong phong-trào cách-mệnh chính-trị của nước ta. Phiền một nỗi, tôi không quen biết quan trên của ngài, giới thiệu không tiện. Thôi đành đem ngài mà giới-thiệu công-khai vậy.

*(Trích ở tập Luận-Ngữ số 74)*

## IX. — Dạ tụng

*Lỗ-Tấn*

Yêu đêm, thích đêm, không hẳn chỉ là những lâm bồn cô độc. Cũng có kẻ vì nhân-tân, có kẻ vì không còn năng lực để tranh-đấu, cũng có kẻ vì sợ... ánh sáng.

Dưới ánh mặt trời, trong tia sáng tinh bạch của ban ngày, giống người vẫn có những cử-chỉ, ngôn-từ khác hẳn với lúc đêm tối mù mịt hay là trước ngọn đèn khuya. Đêm là « tấm áo nhà giới » u-ám, huyền-diệu, tấm áo mà kẻ tạo-vật đã dệt ra để phủ kín hết mọi người. Thành ra trong bóng tối êm-đềm, ấm áp, bọn họ sẽ dần dần, và vô-tình cởi hết bộ mặt nạ, cởi hết những áo quần nhân-tạo, chỉ để lại giữa đại-khối đen

hoặc, mênh-mông những thân-thể và tâm hồn trần-truồng, trơ-trọi.

Tiếng cũng là đêm, nhưng có đêm sáng, đêm tối. Có những đêm lờ mờ, có những đêm u ám, có những đêm ngửa bàn tay không thấy, có những đêm đặc ngầu như một lằng sơn... Người yêu đêm cần có cặp lỗ tai đặc biệt để nghe... đêm; cần có cặp con mắt chuyên-môn để nhìn ban đêm, rồi ngồi trong tối mà nhìn hết mọi sự... tối. Này là vị « chinh-nhân quân-tử » đang từ từ bước dưới ngọn đèn điện,... rồi đi vào góc buồng để duỗi cái lưng mỏi mệt... Này là cặp tình-nhân khoác cánh nhau dưới ánh giăng để đi tới lùm cây trước mặt: trong con mắt cô, cậu, tình từ giờ này đã phấn-khởi hẳn lên!... Đêm lai-lâm, đêm hạ-giáng, là cũng để lật mặt bao nhiêu nhà văn lâu nay, dưới ánh sáng của những ngày « giời quang mây tạnh » đã viết được những câu văn cao-siêu, lộng lẫy, tưng-bừng, giòn giã trên những tấm giấy trắng tinh.

Thế là người yêu đêm đã tình-thú

được những tia sáng mà chỉ có đêm là có thể cung-cấp riêng cho họ.

Trên đường đại-mã-lộ, dưới ngọn đèn điện, một cô gái tân-thời bước rảo. Đôi giầy cao gót nghe: lộp-cộp! loạp-coạp! có vẻ thể-thao ra phết. Nhưng đầu mỏm-mũi của cô bé, đã lấp lánh một hạt bồ-hôi dầu, để chứng thực rằng: cô ta học « mốt » tân-thời chưa được bao lâu. Đứng trước làn ánh sáng rực rỡ nào khác, thì tưởng cô ta sẽ bộc-lộ bết cái vận-mạng « truy-lạc » rồi, còn gì? Nhưng trong bóng tối mấy tòa nhà sát với những cánh cửa sập kín đó, cô ta có thể mở bết mã-lực cặp giò ra mà bước tới. Rồi giữa quãng đêm trường, một ngọn gió bỗng thoang thoảng từ đâu thổi tới, cô ta sẽ thở ra một hơi dài và cảm thấy mát vào tận « con tì con vị! »

Thế là: trong giờ này, khách yêu đêm cùng cô gái mới, mỗi người đều đã lãnh được phần đặc-ân của đêm ban bố cho họ. Một đêm qua. Giờ này bọn người tạ lại rộn rịp đứng giậy, và đi ra, đường

hoảng, chỉnh-chiện bết sức ! Cho đến mấy cái bộ mặt của đời vợ chồng son, giờ này, cũng chẳng biết vì sao mà khác chẳn với chân-tướng năm sáu giờ trước đến thế ! Rồi ôn ào, rồi vui vẻ... Nhưng nào ai biết đâu sau kia, sau những tường cao, cổng kín, trong mấy gian nhà rộng thênh, dãy dọc, dãy ngang, trong chốn thâm-khuê, trong buồng ngục tối, trong gian phòng khách, trong các cơ-quan bí-mật đâu đâu kia, vẫn y-nguyên đầy những sự tàm-muội, ghê tởm hết sức...

Giờ « giời quang mây tạnh, bề lặng sông trong » này, trên quãng đường tấp nập những kẻ đi người lại, đó chỉ là bộ mặt trang-điểm của những sự thực tối tăm trên đây mà thôi. Nó chỉ là cái vung bằng vàng che đậy thẩu « ruốc thịt người », nó chỉ là « lớp dầu thơm nức, xức trên cặp má quỷ-sứ mà thôi!

Chỉ có đêm là còn thành thực.

Tôi yêu đêm. Và lúc đêm khuya, ngồi viết bài « Dạ-tụng » (khen đêm). 1914

*(Trích ở tập Chuẩn-Phong Nguyệt-Đàm)*

## X. — Lũng-Thoòng-Khơ (1).

*Đào Hồng Thắng*

Cụ cả tên gì, họ gì, không ai rõ. Chỉ vì cụ ăn nói mơ-hồ, về tuổi tác đã cao, nên người ta đặt cho cụ cái tên là Lũng Thoòng-Khơ (Lung-thống-Khơ: bậc mơ hồ). Cụ người làng Bông-lông, huyện Ba-Lạc, tỉnh Hồ-Đồ, lên nước Hồng-Đào. Người ta hỏi cụ: Xuân thu cụ năm nay bao nhiêu? Cụ sẽ giơ lời: «Giêm-sám chục gì đó.» Nếu hỏi: «Cụ đỗ nhà năm nay hàng mấy cành bao nhiêu?» Thì: «Cảm ơn, cụ nhà tôi tuổi tác đã khá cao.» Nếu hỏi: «Cụ đã được mấy cô, cậu con?» Cụ sẽ nói:

---

(1) Tiếng ta đọc là Lung-thống-Kha. — Lung-thống nghĩa là úp mở, rộng tuếch. — Kho là chữ Kha của ta, nghĩa là anh, bác, quan bác

« Vâng ! đã được mấy đứa » Hỏi : « Bây giờ mỗi bữa cơm cụ có thể thời được mấy bát ? » Giả lời : « Cám ơn, được khá khá đấy ạ. » Hỏi : « Bổng lộc cụ mỗi tháng thế nào ? ». Thưa : « Chả được bao cơ; » Hỏi : « Từ bên quý-quốc sang nước Trung-Quốc nhà chúng tôi xa hay gần ? » Thưa : « Cũng gần ! Cũng gần ! » Hỏi : « Thế từ quý-quốc qua nước Đức ? » Thưa : « Khá xa ! Khá xa ! ».

Năm xưa ông Đại Tổng-Thống nước Hồn-Đọn nghe tiếng Lũng-Thoòng-Khơ, liền mời cụ ra phụ trách về việc giáo-dục dân-chúng. Số là ông Đại Tổng-Thống này đã từng đọc bộ Tam-quốc diễn-nghĩa cho nên lâu nay những mơ tưởng tìm sao cho được một bác Bàng-Thống : có thể giúp ông trị nước, yên dân. Rồi chữ « Lũng » ông lại đọc nhầm ra là chữ Bàng, cho nên ông nhận ngay « Lũng-Thoòng » làm Bàng-Thống. Thế là Lũng-thoòng-Khơ nhảy phóc ngay lên một địa vị quan trọng trong chính phủ Hồn-Đọn và bao nhiêu ông giáo.

Bao nhiêu sinh-viên, bao nhiêu học-sinh nước Hỗn-Độn một ngày kia bỗng dưng hóa thành một lũ Lũng-thoòng con. Các ngài không tin, hãy thử xem cách thức day trong một lớp học vậy :

*Lũng-Thoòng học trò* :— Lậy thầy, nước X to chừng nào ?

*Lũng-Thoòng thầy* : — Pé kia ạ ! Pé lắm kia ạ !

*Lũng-Thoòng học trò* : — Thưa thầy, dân nước X được bao nhiêu ?

*Lũng-Thoòng thầy* : — Nhiều kia ạ ! Nhiều lắm kia ạ !

*Lũng-Thoòng học trò* : — Thưa thầy, thế vì sao nước X muốn lấy ba tỉnh miền đông của ta ?

*Lũng-Thoòng thầy* : — Chả là mấy tỉnh đó giầu, giầu lắm kia. Nhưng sao các con lại cứ hỏi thầy mãi làm vậy. Để thầy hỏi các con mấy câu xem. Này các con, nước Trung-quốc to hay bé ?

*Lũng-Thoòng học trò* : — To ạ ! To lắm kia ạ !

*Lũng-Thoòng thầy* : — Giỏi ! Giỏi lắm ! Bây giờ ta đi về, ngày mai lại học.

**Lũng-Thoòng học trò** : — (tập hàng

đứng im) Ác lí Đe ! Tòa !...

- Từ bấy giờ đi là nước Hồn-Độn đã bước

một tụi Lũng-Thoòng này, nhỏ, ẩm, mến

cầm quyền thống trị. Nghĩa là mọi việc

vẫn-hoa mới — Văn-minh, tức là Science

là Science đã xâm lược được nước ấy

Hồn-Độn, sẽ thống trị không cần dùng

nghị-hoa không cần khai hóa, đổi hẳn

chỉ hoàn toàn thụ động tức theo chữ nghĩa

« tự nhiên nhi nhiên ».

*(Trích ở tập Trai phụ tử do đàm)*

# XI. — Chó — Mèo — Chuột

Từ hồi năm ngoái, phong phanh nghe đâu có kẻ đã nói đến chuyện thi gà, Mèo. Hẳn người ta đã căn cứ vào một bài văn tôi viết hồi trước về đề tài « Thỏ và Mèo ». Thiệt rõ mình đã tự mình công khai lấy tội mình, để rồi nào cho được. Tuy vậy, hồi ấy tôi cũng chả để ý đến sự dị-giác đó. Đến bước sang năm nay, chả biết vì sao lại hơi ấy nảy.

Vì vậy mà thiên-hạ mới có ý nghiên cứu xem những « động cơ » gì đã làm cho Chó Mèo ghét nhau. Nào tôi có dám bắt chước cái « mốt » của các nhà học giả ngày nay, chỉ căn-cứ vào « động cơ » để khen hoặc chê bậy

phẩm no, tác-phẩm kia đâu. Chẳng qua cũng muốn liệu chừng để mình « tự gỏi lấy đầu mình » mà thôi. Theo ý tôi thì vấn-đề trên đây đối với một nhà « Động-vật tâm-lý học » chỉ là một câu hỏi đơn-giản hết sức! Đáng lẽ là phải có một tí học thức gì về khoa học ấy. Về sau lúc đã đọc bộ sách : « Tự nhiên sử trong đồng-thoại » của bác sĩ O. Dubois-Hardi thì mới điều rõ sự tình. Nghe đâu câu chuyện thế này : Xưa kia, có một hôm tất cả các giống vật trên mặt đất cần họp một cuộc hội nghị để giải-quyết một vài việc rất quan trọng. Giống chim, giống cá và giống thú đều tề tựu đủ mặt. Duy chú voi không đến. Hội nghị mới định phải đại-biểu đi mời. Chó ta được cử làm đại-biểu. Chó bảo : « Tìm thế nào được ? Tớ chưa hề thấy voi và chưa hề quen biết gì nó kia mà ! »

— Dễ hết sức — toàn thể hội nghị nói — Nó dưng cong !

Chó ta đi ra, một lúc sau gặp ngay

# CHÓ MÈO CHUỘT

một chú Mèo còn đang gờ sườn lưng lên. Chó liền mời đi về với mình, rồi giới thiệu với các bạn: « Voi đấy ! » Cả bọn-nghị cười ồ lên và giỡn chơi Chó ta một bởi khá lâu, Từ đấy về sau, Chó mới thù oán với Mèo là vì thế.

Dân-tộc Germains ra khỏi rừng chưa bao lâu, đã có một nền học-thuật văn-nghệ khá vẻ vang. Từ sách vở trang-hoàng cho đến đồ chơi trẻ con của họ đều làm cho người đời phải phục. Duy chỉ câu truyện trẻ con về kể trên đây thì thiệt vô vẩn. Thù oán vậy có nghĩa lý gì ? Lúc chú Mèo tai gờ lưng đứng đấy nào chú có ý giữ đánh lẫn-sóng để mèo-danh đâu ? Bỗng là tại chú Chó có mắt mà không biết nhìn đấy chứ ! Tuy vậy mặc dầu, nói là lý do thì đấy, cũng vẫn có là một lý-do. Còn như tôi, sở dĩ ghét Mèo thì có những lý do khác hẳn.

Nói thực thì người và vật có khác nhau cũng chả là bao. Trong đám động vật, tiếng rằng chẳ phải phong-lưu tự tại như là người xưa đã tưởng-tượng

nhưng ở trong xã hội chúng nó, nhữn sự-tình lố-lăng vẫn ít bợn giữa cõi người. Chúng nó ăn ở buông thả theo tính, tình sở thích ; hay thì hay, dở thì dở không cần biện-bạch nữa lời. Giống sâu bọ cũng có thứ không sạch sẽ cho lắm, nhưng được một cái hay là : hễ chúng nó không bẽ rao lên là trong sạch.

Bây giờ mới nói duyên cớ vì sao mà tôi ghét Mèo. Tôi biết rằng : lý do của tôi thiệt là đầy đủ mà lại quang-minh, chính-đại hết sức. Một là tính-tình con mèo khác hẳn với các loài thú dữ khác. Hễ nó bắt được một cồn chim sẻ, hoặc chú chuột, không bao giờ nó chịu cắn ngay một miếng cho con nhỏ chết tức thì ; nhất-định là nó đùa chơi đủ cách : thả ra cho chạy rồi lại bắt ; bắt lại rồi lại thả ra ; chơi cho chê chán rồi mới cắn chết, mới nhai ngấu ; thì cũng chả khác gì bọn người nham-hiểm có nhìn thấy người cực-khổ thì mới sung sướng, có hành-hạ được kẻ hèn yếu cho chết gầy

chết mòn thì mới thỏa thích! Nói cho thực hơn nữa thì có lẽ chỉ vì giống lúc chúng nó phối-hợp cùng nhau chúng nó cứ nghêu-ngao giở những ngón rởm, làm cho người ta phải sinh ghét! Nhất là lúc đêm khuya, người ta cần đọc sách, hoặc nghỉ ngơi! Lúc bấy giờ là thế nào tôi cũng phải vớ ngay một cây sào dài ra mà đánh cho chúng một mẻ.

Nhưng trên đây, đều là những câu chuyện ngày nay. Nghĩ lại cho kỹ, thời tôi đã ghét mèo từ những thuở nào kia, có lẽ vào khoảng tôi mới trong ngoài mười tuổi thì phải. Bấy giờ tôi còn nhớ được rành-mạch, mà lý-do này lại rất là đơn giản. Thì chỉ là vì một hôm, nó đã ăn mất một con chuột ma tôi đã nuôi nâng bao nhiêu lâu, một con chuột be bé xinh xinh, rất dễ yêu.

Nghe đâu người Âu ít thích mèo đen, biết có thiệt thế không? Nhưng con mèo đen trong tiểu-thuyết Edgar Allan Poë thì đang sợ thiệt. Hồi xưa, ở Tàu,

cũng có « ma mèo » nhưng gần đây thì không nghe đến những chuyện Mèo hóa phù, hóa phép, yêu quái nữa. Có lẽ bao nhiêu thuật-pháp lâu ngày thất-truyền cho nên ngày nay mèo Tầu thành ra hiền-từ hẳn rồi chăng? Nhưng ngày tôi còn bé, thì xem chừng nó vẫn còn có vẻ yêu quái cho nên tôi đã ác-cảm với giống mèo. Một đêm hè, thuở tôi còn bé, tôi nằm hóng mát trên một bộ ghế ngựa nhỏ, ở dưới một cây quế. Bà tôi ngồi bên cạnh, vừa phầy cái bả quạt ba-tiêu vừa kể chuyện cổ-tích cho tôi nghe. Thoắt đâu, trên cây quế nghe có tiếng móng cào sạt sạt. Rồi một cặp mắt lóng lánh trong bóng tối, từ trên cây cao xuống dần dần với tiếng sạt đó, làm cho tôi hết hồn vía, mà câu chuyện cổ-tích của bà tôi cũng ngắt đoạn. Cụ sẽ kể chuyện mèo cho tôi vậy:

« Cháu có biết không? Mèo là thầy học của ông Cọp kia đấy! — lời bà tôi nói — Chắc con còn bé chả biết thế đâu! Nhưng chính Mèo là thầy

học ông Cọp. Nguyên xưa kia Cọp dốt nát bết sức, chả biết gì sốt, phải đến thụ-giáo với Mèo. Mèo mới dạy cho Cọp mẹo vặt, mẹo bắt mồi, cách ăn, in như là cách Mèo bắt chuột ấy ma. Học thành nghề, cọp ta nghĩ bụng: bấy nhiêu ngón, mình học hết rồi. Chả có ai bằng mình được nữa. Duy chỉ Cụ Mèo, hắn còn nhiều ngón hơn mình; vậy nếu giết quách Mèo đi, thì nhất định giống Cọp sẽ sừng sỏi hơn ai hết, chứ gì? Nghĩ như vậy, Cọp liền bước tới bắt Mèo. Nào ngờ Mèo đã đoán trước được ý Cọp, nhảy một cái phóc ngay lên cây. Anh cọp lúc bấy giờ chỉ trợn trắng mắt lên mà ngồi chờ hỡ dưới gốc cây. Thì ra Cụ Mèo còn chưa dậy cho Cọp hết các ngón: Cụ chưa bầy cho Cọp cách leo cây! »

Tôi nghĩ bụng: kể cũng còn may, may một cái là hồi ấy ông Cọp nóng tính làm càn, chứ không thì tối hôm nay đã làm cho một « ông ba mươi » ở ngay trên cây quế bò xuống thì

nguy to... Nghĩ thế nhưng tôi vẫn sợ; tôi đành vào ngay trong nhà đi ngủ... Mầu đêm tối giờ này lại càng ảm-đạm; cành quế rung nghe xao-xát; một luồng gió hiu hiu thổi... Tôi nhớ đến chiếc chiếu lác trong nhà, bây giờ đã man mát rồi, thì chi hơn là vào ngủ quách cho quên đi đừng mơ-tưởng gì đến, những sự sợ hãi nữa là xong.

Trong ánh-sáng lù-mờ của ngọn đèn dầu lạc, tòa nhà cũ mấy trăm năm kia là thế-giới của chú chuột già xưa nay vẫn tung-hoành nhảy nhót. Thánh thót chân chú nhảy, líp chíp miệng chú kêu, trông thái-độ chú trang-nghiêm! Mèo thì đã được người ta nuôi cho mà chả làm việc gì cả. Các bà cụ thường vẫn căm vì nỗi con chuột cứ nhá nát rương hòm, ăn chùng các thức nầy nọ; tôi thì tôi cho rằng cái ấy cũng chả có gì là đáng tội, chả can có gì đến mình. Huống hồ bấy nhiêu sự tình là tội-trạng của chú chuột già nào đã gây nên, quyết-định không có thể xá-khống cho con chuột lắt tôi vẫn yêu dương

kia. Giống chuột lắt này, thường nó chỉ có thể chạy sàn sát trên mặt đất. Vóc giạc nó chỉ bằng ngón tay cái, đối với người nó cũng chả biết sợ; chúng ta vẫn gọi nó là chuột lắt; nó khác hẳn với cái giống chuột sù sì vẫn nằm trên giường nhà kia mà ! Bên chiếc giường ngủ của tôi, có gián hai tấm tranh vẽ. Một tấm vẽ : « Bát-Giới chọn rể » hình dung anh lợn có một cái mõm sề và một cái tai sù phủ mầy cả mặt giấy ; tôi chả thích ; còn đứa kia vẽ một bức « chuột già lấy vợ » thì xinh đáo để ; Từ chú rể, nàng dâu, phụ-dâu, phụ-rể, bà con, khách-khứa, người giúp đám, anh nào cũng lưng eo đùi mẩn, in hệt bọ-điện nhà nho ; duy có một điều là bọn chuột đều là áo hồng quần lục. Tôi mới nghĩ rằng thế nào cũng có chú chuột lắt mình yêu trong bọn ấy thì mới sắp đặt được linh-đình như vậy. Đời này đến thô tục ! Những tấm cười của giống người mà thường ta vẫn gặp trước đường, kể cũng chả khác gì một cách quảng-cáo cho cộng cuộc « tình giao » mà thôi, để ý đến

làm gì ! Nhưng những lúc ngồi ngắm đến tinh-thần say sưa của chú chuột già nhà ta lấy vợ trên bức tranh này, thì tưởng chừng đâu đầu nó có lấy ba ngày đêm liền. Có lẽ xem cũng chả chán mắt nào ! Cứ đến tối mười bốn tháng giêng, là tôi nhất-định không chịu ngủ và quyết chờ cho đến lúc đinh đám chúng nó rước từ dưới đường rước ra. Thế mà vẫn chỉ thấy mấy anh chuột lắt trần-trụi đi ngao du trên mặt đất, xem chừng chúng không có tổ-chức việc-tùng gì sốt. Chờ mỏi cả mắt mà chả thấy, đành phải bực-bội lên giường đi ngủ cho đến lúc bừng mắt giậy là giời đã sáng : chả là hôm nay là tiết rước đèn. Hẳn là trong bọn lễ nhà họ chuột đã không phát thiếp mời để thân lễ, thì dầu mình có thiệt tình đi « xem rước dâu » chúng nó cũng chả thích nào. Tôi chắc rằng : đấy là tập-tục của chúng nó, thì dầu kháng-nghị cũng vô-ích.

Thực ra, Mèo nào có phải là kẻ thù « số một » của Chuột ! Ngày thường, cứ đến tiết Xuân, có lúc các Ngài ngbe

## CHỌ MÈO CHUỘT

Chuột ta cứ « xẹt ! xẹt ! xẹt ! xẹt ! » kêu — người ta gọi là « Chuột đếm tiền » — thì Ngài biết ngay rằng lão « đồ-tể » đáng sợ của giống chuột đã « quàng-dậm » rồi đó ! Tiếng kêu la lần này thiệt biểu-hiện hết những nỗi sợ-hãi của Chuột trong tình-thế tuyệt-vọng. Dầu lúc gặp phải Mèo, Chuột ta cũng không hề bao giờ kêu hốt hoảng như vậy. Mèo đáng sợ thiệt, nhưng chú Chuột chỉ chạy ngay vào cái lỗ nhỏ là chú Mèo đành chịu cứng. Ngoài ra còn nhiều cách thoát thân khác nữa. Duy chỉ bác « đồ-tể » đáng sợ này — Bác Rắn — thì thân thể dài và bé xấp xỉ với Chuột — cho nên dầu Chuột trốn tận đâu, nó cũng bò vào. Nó lại dai đuổi và nó đã đuổi thì chả mấy khi Chuột ta thoát khỏi. Ta có thể chắc rằng : lúc chú Chuột « đếm tiền » la réo lên thì cũng chính là lúc Chuột đã bị nguy-hiểm lắm và không biết làm thế nào nữa.

Xưa kia, đã có một lần tôi nghe mấy tiếng « đếm tiền » như vậy trong một gian nhà trống. Tôi đẩy cửa vào, thì

Thấy một anh rắn còn nằm trên đường xà. Nhìn giữa đất, một chú chuột nhắt nằm, miệng hộc cả máu tươi, chưng hai cái hông còn thoi thóp. Tôi nhặt lấy, ủ nó nằm trong một cái hộp giấy; nửa ngày giời nó sống lại rồi dần dần ăn, uống, đi lại được. Hôm sau thì thình như nó đã bình-phục như thường, nhưng nó vẫn không chạy. Thả xuống đất, nó thịnh-thoảng chạy tới bên mình, nó còn trèo lên cả chân mình, lên mãi tận bắp vả. Thả xuống bàn ăn, nó mò đến bát nước rau, liếm chem chép trên vành bát. Thả lên trên bàn giấy, nó đi đứng thung-dung; hễ thấy nghiên mực, là nó thè ngay lưỡi liếm hấy nhiều nước mực ướt mai. Tôi rất thích nó làm thế. Tôi đã nghe thầy tôi kể chuyện: nước Tần có một giống « khỉ mực » (Mặc hầu) nó to chỉ bằng ngón tay cái, lông nó đen lánh. Nó ngủ trong ống bút, hễ nghe mài mực là nó nhảy ra; nó ngồi chờ một bên, chờ đến lúc mình viết xong, nháp bút lại là nó liếm hết bao nhiêu mực còn lại

ESL 124

giữa nghiện, rồi lại cứ thế nhầy vào ống bút. Tôi những ước ao có một con « khỉ mực » như vậy, mà không tài nào tìm được. Hỏi thăm xem giống khỉ ấy có ở đâu, và ở đâu bán? Thì chả ai biết. « Uỷ-tình liệu thắng vô » — (An ủi lấy lòng mình còn hơn là không) — Con chuột lắt này cũng có thể xem như là con « Mặc bầu » của mình vậy. Nhưng có một điều là khỉ nó liếm mực nó không hề chờ cho tôi viết xong rồi hẵng...

Bây giờ chớ không rành-mạch lắm nữa, nhưng con chuột lắt sống trong tình hình ấy đại-khái độ một vài tháng. Rồi có một ngày kia, tôi bỗng cảm thấy mình tịch-mịch, nói như ai: « Nhược hữu sở thất » (in tuồng có mất gì). Xưa nay, con chuột nhắt của tôi, vẫn qua lại trước mắt tôi, khi ở trên bàn, khi dưới đất. Thế mà hôm nay, cả nửa ngày giời chả thấy nó. Ngày thường giờ ăn cơm thế nào nó cũng ra. Thế mà hôm nay, cả nhà ăn bữa cơm trưa xong, vẫn không thấy nó! Tôi chờ nó suốt

nửa ngày giời nữa mà vẫn không thấy. Bà Cả, người ư già lâu nay làm vật trong nhà, có lẽ vì thấy tôi chờ đợi tội nghiệp sẽ khe khẽ bước tới nói cùng tôi một câu. Làm cho tôi càng thêm thương xót và bức bối, nhất-định quyết tâm tuyên chiến với Mèo. Số là vú đã cho tôi biết rằng: Con chuột nhắt đã bị Mèo cắn chết từ tối hôm qua! Đau đớn với mối tình đứt-đoạn, lòng tôi cảm thấy trống-trải. Tôi lập tâm quyết giả thù thị nào cho được mới nghe.

Công cuộc báo-thù của tôi bắt đầu ha-thủ đánh ngay con Mèo nhà nuôi lâu nay, rồi tôi cầm gian mỗi ngày một bành-trướng lên, hễ gặp Mèo là tôi đánh. Bắt đầu còn đuổi ruợt đánh lên, về sau thì chiến-thuật của tôi càng ngày càng tiến-bộ: tôi có thể ném đá trúng vào đầu Mèo, đó Mèo vào trong phòng trông đánh cho nó lo cả đêm, cả ngày cả mất. Cuộc chiến đấu tiếp tục khá lâu, về sau kẻ mạnh chừng bao nhiêu Mèo không dám lại gần tôi nữa. Mỗi

Nhưng sau đó ít lâu, — chừng độ nửa năm thì phải, tình cờ tôi lại được một tin-tức bất ngờ. Thì ra con chuột Nhắt thiệt không phải bị Mèo cắn chết, mà chỉ vì hôm ấy nó leo lên về chân Bà Cả rồi bà đạp cho một cái nên nó chết tươi.

Thiệt là một cận chuyện tôi không hề ngờ đến bao giờ. Ngày nay tôi đã quên hẳn cả, mối cảm-tưởng của tôi hôm ấy. Nhưng một điều chắc là mối ác cảm của tôi đối với Mèo vẫn không giảm. Thế rồi ngày tôi lên Bắc-Kinh lại còn xảy ra chuyện Mèo giết hại vợ con mấy con thỏ nữa. Thế là giận mới gộp thêm vào với thù xưa, thành thử tay độc lại càng độc nữa. Câu chuyện thù Mèo vì vậy mà dồn rộng. Nhưng đó là việc đã qua. Ngày nay tôi đã đổi hẳn thái-độ đối với Mèo, tôi cũng đã có về nhân từ. Nếu như vạn bất đắc dĩ thì chỉ đuổi nó đi là cùng, không hề đánh đập chúng nó, nữa là giết được! Kể cũng là một cuộc tiến hóa của tôi. Kinh nghiệm đã nhiều

hơn trước, tôi đã biết rằng những lúc Mèo ăn cắp một giống cá, một con gà con, hoặc lúc đêm khuya nó gào, thì người ta mười người kể có chín người bực-tức và những lúc ấy là Mèo đáng phải chịu đòn. Nhưng nếu như muốn cho người khác bắt đạ mà mình đang nó đau, giết nó chết, thì nó lại là đáng thương mà mình là đáng ghét. Vậy nên chính sách ngày nay của tôi là bỗ gặp lúc Mèo quấy tôi, cho mình bực bội, thì tôi liền bước ra cửa, mắng to lên rằng: « Hù! Cút! » Dần dần người giận, tôi lại về buồng viết. Làm như thế là tôi vừa giữ được lương cách một người vừa biết chống giặc, lại vừa giữ mình.

Nhưng ngày nay tôi vẫn chưa có thực-hành học-thuyết đó, và còn cần nghiên cứu kỹ-lưỡng thêm nữa.

(21-2-1926)

# MỤC LỤC


| | Trang |
|---|---|
| MẤY LỜI NÓI ĐẦU | VII |
| I. — **Bàn về tạp văn** (*Dương Lăn-Đào*) | 19 |
| II — **Một lối lý luận** (*Từ-mẫu-Dung*) | 27 |
| III. — **Lối văn «u-mặc» lắt léo** (*Thiếu-Vân*) | 37 |
| IV — **Lối văn «tốc-tả»** (*Hồ Phong*) | 45 |
| V. — **Ý nghĩa xã-hội của phong trào Độc kinh và Tồn văn** (*Duy-Minh*) | 51 |
| VI. — **Bàn về chữ « nhẫn »** (*Trần-tử-Triển*) | 63 |
| VII. — **Một lũ mê mẩn** (*Bạch-chỉ-Tấn*) | 75 |
| VIII. — **Một ông quan tốt** (*Giang-quý-Tử*) | 85 |
| IX — **Dạ tụng** (*Lỗ-Tấn*) | 105 |
| X. — **Lũng Thoòng-Khơ** (*Đào-hành-Tri*) | 109 |
| XI. — **Chó — Mèo — Chuột** (*Lỗ-Tấn*) | 113 |


BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

IN TẠI NHÀ IN QUANG-HOA. 473
HÀNG BÔNG HANOI — IN XONG
NGÀY 23 JANVIER 1945

ĐƯỢC GIẤY-PHÉP NGÀY 30 DECEMBRE 1944 SỐ 448.

• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

## SẮP XUẤT BẢN

*NGUYÊN HỒNG*

**Ngọn lửa** (tiểu thuyết)

**Hai mươi năm về sau** (truyện ngắn)

**Lửa tin** (tùy bút)

*NAM CAO*

**Nước mắt** (truyện ngắn)

*ĐẶNG THÁI MAI*

**Chung quanh vấn đề sử học**

**Gia** (tiểu thuyết Tầu) *nguyên văn của Ba Kim*
*Đặng-thái Mai dịch*

**Một trăm năm lịch sử Trung Hoa** (*1840 1940*)

*LÊ TRÙNG DƯƠNG*

**Sầm Sơn vui thú** (phóng sự)

*NGUYỄN HỒNG HÀ*

**Phá ngang** (tiểu thuyết giáo dục)

**— mới —**

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•